

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

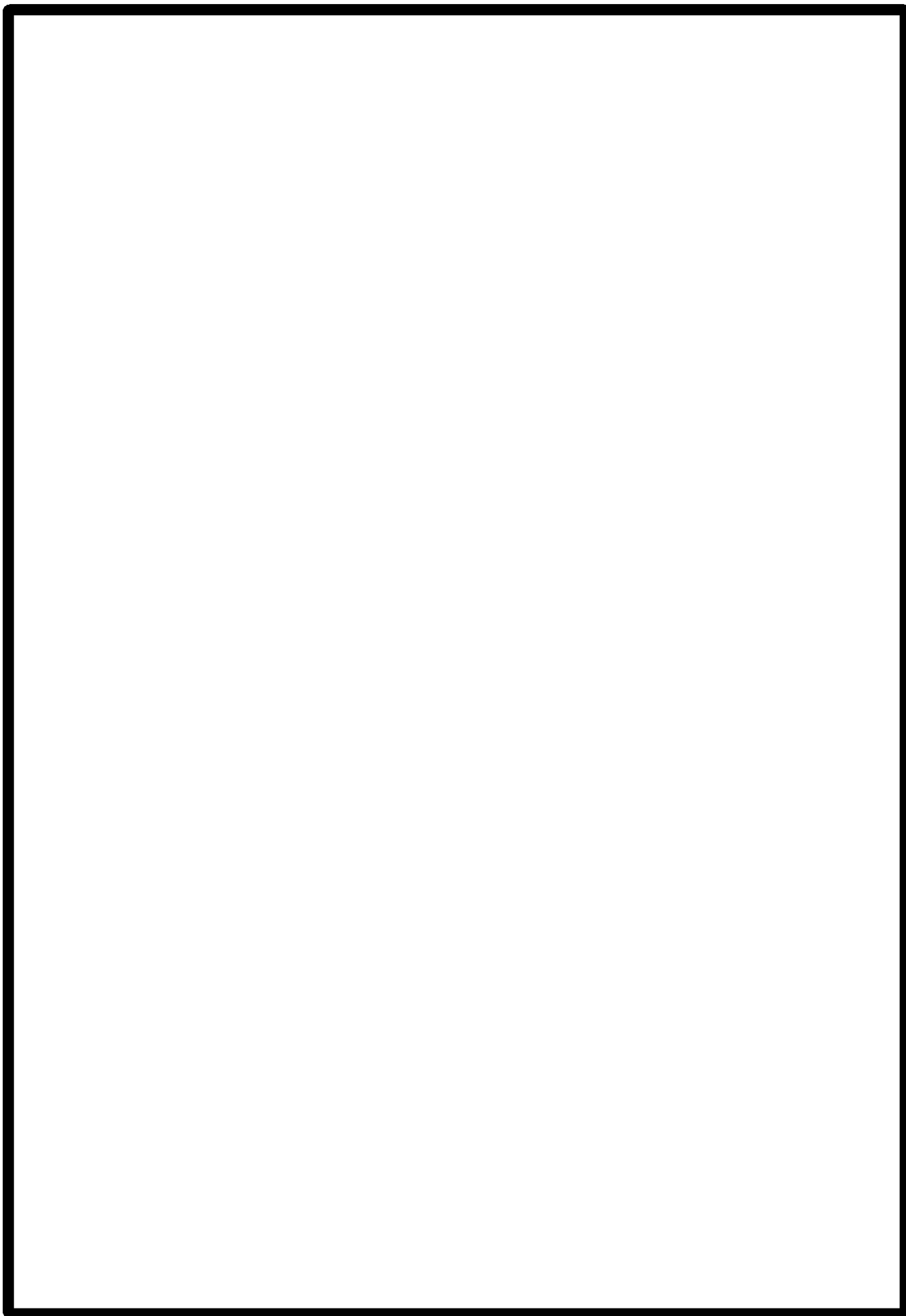


LÊ THANH HOÀNG

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN
KHAI ESG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ĐIỆN LỰC 3**

Đà Nẵng – 2026



PHẦN MỞ ĐẦU

Sự cần thiết phải xây dựng đề án

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (PC3-INVEST) là doanh nghiệp thủy điện đang vận hành các nhà máy Đăk Pônê và Đăkrông 1, chịu tác động lớn từ điều kiện khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, an toàn công trình và quan hệ cộng đồng. Biến động thời tiết và yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày càng gia tăng đã tạo ra nhiều thách thức, ảnh hưởng đến sản lượng điện, doanh thu, an toàn vận hành và trách nhiệm môi trường – xã hội. Vì vậy, doanh nghiệp cần chuyển từ quản trị tuân thủ sang quản trị rủi ro chủ động hơn.

Trong bối cảnh chuyển dịch sang kinh tế xanh, ESG trở thành yêu cầu tất yếu, không chỉ phục vụ báo cáo mà còn hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, chuẩn hóa dữ liệu, kiểm soát rủi ro và củng cố niềm tin các bên liên quan. Trên cơ sở đó, đề án “**Xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai ESG tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3**” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng, xác định khoảng trống và đề xuất lộ trình ESG phù hợp giai đoạn 2026–2030, phù hợp với đặc thù và nguồn lực của doanh nghiệp.

Mục tiêu của đề án

Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát của đề án là xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai ESG tại PC3-INVEST giai đoạn 2026–2030, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp thủy điện, nền tảng quản trị hiện có và định hướng phát triển năng lực tái tạo. Qua đó, hình thành hệ thống quản trị ESG gồm bộ máy, dữ liệu, KPI, quy trình, cơ chế giám sát và khả năng tích hợp vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mục tiêu cụ thể

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về ESG, kế hoạch ESG, lộ trình ESG, mô hình trưởng thành ESG và các khung tham chiếu trong lĩnh vực năng lượng làm cơ sở xây dựng khung phân tích.

Thứ hai, phân tích thực trạng ESG tại PC3-INVEST trên ba khía cạnh Môi trường, Xã hội và Quản trị, từ đó xác định mức độ trưởng thành ESG, khoảng trống quản trị và các vấn đề ESG ưu tiên.

Thứ ba, đề xuất kế hoạch và lộ trình triển khai ESG giai đoạn 2026–2030, bao gồm mục tiêu, nội dung theo ba trụ cột E–S–G, KPI, kế hoạch thực hiện, tổ chức thực hiện, cơ chế giám sát, điều kiện triển khai và kiến nghị.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề án

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề án là hệ thống quản trị chiến lược, mô hình vận hành và tiến trình tích hợp ESG tại PC3-INVEST. Nghiên cứu tập trung vào cơ chế ra quyết định và kiểm soát của doanh nghiệp đối với các khía cạnh ESG trọng yếu, bao gồm quản trị rủi ro khí hậu và tài nguyên nước, thực thi trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, và mức độ minh bạch trong quản trị doanh nghiệp. Từ đó, đề án nhận diện các điểm nghẽn chiến lược và làm cơ sở xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai ESG phù hợp.

Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi PC3-INVEST, bao gồm trụ sở chính và các nhà máy thủy điện Đắk Pône, Đakrông 1; không mở rộng so sánh với doanh nghiệp khác.

Về thời gian, dữ liệu thực trạng được thu thập trong giai đoạn 2021–2025; lộ trình giải pháp được xây dựng cho giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2050.

Về nội dung, đề án tập trung vào khung quản trị và lộ trình triển khai ESG, không đi sâu vào phân tích kỹ thuật chi tiết của từng bộ tiêu chuẩn, mà sử dụng các khung ESG như cơ sở tham chiếu để xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp và cơ chế giám sát.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG LỘ TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI ESG

1.1. Khái niệm về ESG và phát triển bền vững

1.1.1. Khái niệm về ESG

ESG là viết tắt của ba yếu tố Environment, Social và Governance, tương ứng với Môi trường, Xã hội và Quản trị doanh nghiệp. Đây là bộ tiêu chuẩn dùng để đánh giá mức độ phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội và tác động của doanh nghiệp đối với cộng đồng. ESG có nguồn gốc từ tư duy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), được đề cập từ năm 1953, và chính thức trở thành thuật ngữ quan trọng từ năm 2004 thông qua báo cáo “Who cares wins” của Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc.

1.1.2. Mối quan hệ giữa ESG và phát triển bền vững

ESG được xây dựng trên nền tảng các lý thuyết phát triển bền vững như Lý thuyết các bên liên quan, Lý thuyết hợp pháp và mô hình Triple Bottom Line. Các lý thuyết này nhấn mạnh rằng doanh nghiệp không chỉ tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông mà còn phải cân bằng lợi ích giữa nhà đầu tư, người lao động, cộng đồng, Nhà nước và môi trường. Mục tiêu của doanh nghiệp là phát triển bền vững, duy trì sự chấp nhận xã hội và tối ưu ba lợi ích: con người, hành tinh và lợi nhuận.

CSR từng là mô hình chủ đạo, tập trung vào trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh và hoạt động thiện nguyện, nhưng chủ yếu mang tính tự nguyện và định tính. Trước bối cảnh kinh tế và biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, ESG ra đời như một hệ thống quản trị có tính chuẩn hóa và gắn với yêu cầu của thị trường vốn, giúp doanh nghiệp quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, xã hội.

ESG là công cụ để doanh nghiệp không chỉ báo cáo về trách nhiệm xã hội mà còn quản lý rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận, đặc biệt là trong việc lượng hóa và chuẩn hóa các tác động môi trường – xã hội thành chỉ số có thể đo lường và công bố theo các khung như GRI, SASB. Về chiến lược, ESG đòi hỏi doanh nghiệp tích hợp các yếu tố bền vững vào quản trị rủi ro, giám sát của Hội đồng quản trị và chỉ số hiệu quả của Ban điều hành, từ đó chuyển ESG thành công cụ chiến lược quan trọng trong quản trị doanh nghiệp.

1.2. Nội dung các trụ cột ESG

ESG gồm ba trụ cột chính là Môi trường, Xã hội và Quản trị, phản ánh các yếu tố quan trọng trong phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trụ cột Môi trường tập trung vào đánh giá tác động của doanh nghiệp đối với tài nguyên thiên nhiên, bao gồm ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải theo cam kết quốc tế và trong nước, sử dụng năng lượng hiệu quả và ưu tiên năng lượng tái tạo. Doanh nghiệp cũng cần đảm bảo

khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp pháp và xử lý chất thải một cách hiệu quả, đồng thời tận dụng các cơ hội môi trường như công nghệ sạch, công trình xanh và giảm thiểu carbon.

Trụ cột Xã hội đo lường tác động của doanh nghiệp đối với các bên liên quan như khách hàng, nhân viên và cộng đồng. Các nội dung quan trọng bao gồm bảo vệ quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu, đảm bảo sự công bằng và hòa nhập trong môi trường làm việc, và tạo ra cơ hội xã hội như tiếp cận truyền thông, tài chính, y tế và dinh dưỡng cho cộng đồng. Đây là phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Trụ cột Quản trị đánh giá cách thức doanh nghiệp tổ chức, điều hành và kiểm soát hoạt động, đảm bảo hiệu quả, minh bạch và tuân thủ quy định. Bao gồm việc xây dựng một Hội đồng quản trị đa dạng, có đủ năng lực chuyên môn, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của các bên khác. Quan trọng nhất, ESG cần được tích hợp vào chiến lược kinh doanh, trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động hằng ngày của doanh nghiệp.

1.3. Lộ trình triển khai ESG trong doanh nghiệp

1.3.1. Khái niệm và vai trò

Lộ trình triển khai ESG là định hướng chiến lược dài hạn, mô tả quá trình chuyển đổi từ trạng thái hiện tại đến trạng thái ESG mục tiêu. Lộ trình tập trung vào các giai đoạn phát triển năng lực, mốc kết quả và thứ tự ưu tiên triển khai. Doanh nghiệp phát triển ESG theo từng bước từ xây dựng cấu trúc quản trị và dữ liệu nền, đến chuẩn hóa hệ thống, tích hợp vào quản trị doanh nghiệp và nâng cao công bố thông tin, gắn với vận hành. Lộ trình ESG nhằm bảo đảm tính khả thi trong cân đối giữa tuân thủ, chi phí, nguồn lực và yêu cầu minh bạch, thường gồm các giai đoạn: nền tảng, chuẩn hóa, tích hợp và nâng cao.

1.3.2. Các giai đoạn phát triển ESG

ESG được tiếp cận như một tiến trình phát triển năng lực quản trị theo bốn giai đoạn gồm Nền tảng, Chuẩn hóa, Tích hợp và Nâng cao.

Giai đoạn Nền tảng tập trung tuân thủ pháp lý, nhận diện ESG và xây dựng các điều kiện ban đầu về dữ liệu, nhận thức và cam kết quản trị.

Giai đoạn Chuẩn hóa hướng đến thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, dữ liệu và chỉ tiêu ESG có tính thống nhất, phục vụ theo dõi và báo cáo.

Giai đoạn Tích hợp đưa ESG vào chiến lược, quản trị rủi ro, đầu tư, vận hành và hệ thống KPI, qua đó ảnh hưởng đến quyết định quản trị và tài chính doanh nghiệp.

Giai đoạn Nâng cao phát triển ESG thành năng lực tạo giá trị dài hạn, nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới và thích ứng của doanh nghiệp.

Tóm lại, việc phát triển ESG là quá trình chuyển đổi sâu sắc trong quản trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần đi từ nền tảng tuân thủ, chuẩn hóa dữ liệu và quy trình, tích hợp ESG vào chiến lược, và cuối cùng nâng cao năng lực tạo giá trị lâu dài. Đối với ngành thủy điện, việc triển khai ESG theo các giai đoạn này giúp bảo vệ tài nguyên nước, giảm thiểu tác động từ biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng huy động vốn xanh.

1.3.3. Mô hình mức độ trưởng thành ESG

Mô hình mức độ trưởng thành ESG phản ánh sự phát triển năng lực quản trị ESG của doanh nghiệp theo bốn cấp độ: Tuân thủ, Quản lý, Tích hợp và Dẫn dắt.

Tuân thủ là cấp độ khởi đầu, trong đó ESG chủ yếu đáp ứng yêu cầu pháp lý, tập trung vào tuân thủ quy định và kiểm soát rủi ro cơ bản, chưa hình thành hệ thống quản trị ESG.

Quản lý thể hiện sự chuẩn hóa ESG thông qua xây dựng chính sách, quy trình, dữ liệu, chỉ tiêu và cơ cấu tổ chức, tạo nền tảng quản trị có hệ thống nhưng chủ yếu phục vụ theo dõi và báo cáo.

Tích hợp là cấp độ ESG được lồng ghép vào chiến lược, quản trị rủi ro, đầu tư, vận hành và KPI, qua đó ảnh hưởng đến quyết định quản trị và tài chính doanh nghiệp.

Dẫn dắt là cấp độ cao nhất, khi ESG trở thành năng lực cạnh tranh và công cụ tạo giá trị, đồng thời doanh nghiệp có khả năng đổi mới mô hình kinh doanh và dẫn dắt thực hành ESG trong ngành.

Mô hình trưởng thành ESG giúp doanh nghiệp đánh giá năng lực hiện tại, xác định khoảng cách và thiết kế kế hoạch hành động phù hợp. Mô hình này bổ sung cho các giai đoạn phát triển ESG, giúp doanh nghiệp định vị sự tiến triển của mình trong quá trình triển khai.

1.4. Kế hoạch triển khai ESG trong doanh nghiệp

1.4.1. Khái niệm và vai trò

Kế hoạch triển khai ESG là công cụ chuyển hóa các giai đoạn trong lộ trình ESG thành chương trình hành động cụ thể. Kế hoạch này xác định mục tiêu phát triển bền vững, phương án hành động, cơ cấu tổ chức thực hiện, nguồn lực, cơ chế kiểm soát và cách thức tích hợp ESG vào vận hành, quản trị doanh nghiệp. Khác với lộ trình mang tính định hướng dài hạn, kế hoạch ESG có tính tác nghiệp cao hơn, giúp doanh nghiệp xác định rõ làm gì, ai thực hiện, cần nguồn lực nào và đo lường kết quả ra sao.

1.4.2. Các thành phần của kế hoạch ESG

Kế hoạch ESG bao gồm năm thành phần chính: mục tiêu, nội dung triển khai, lộ trình, nguồn lực và KPI.

Mục tiêu xác định kết quả mà doanh nghiệp cần đạt được về môi trường, xã hội và quản trị trong từng giai đoạn. Mục tiêu cần cụ thể, đo lường được, có thời hạn và phù hợp với chiến lược kinh doanh, xuất phát từ các vấn đề trọng yếu của ngành và năng lực hiện tại.

Nội dung triển khai là hệ thống chương trình và giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu ESG. Nội dung này được phân chia theo ba trụ cột E–S–G, bao gồm quản lý tài nguyên, phát thải, an toàn lao động, đào tạo, cộng đồng, quản trị ESG, và công bố thông tin.

Lộ trình xác định thời gian và mốc kết quả cụ thể để triển khai từng nội dung. Lộ trình giúp tránh triển khai dàn trải, bảo đảm ESG thực hiện phù hợp với năng lực và yêu cầu chuẩn mực. Logic lộ trình bắt đầu từ nền tảng, chuẩn hóa dữ liệu và quy trình, tích hợp ESG vào quản trị, rồi nâng cao chất lượng công bố và tạo giá trị.

Nguồn lực bao gồm nhân sự, tài chính, công nghệ, dữ liệu và năng lực chuyên môn. Kế hoạch cần phân công rõ ràng trách nhiệm và xác định ngân sách cho việc triển khai ESG.

KPI là các chỉ tiêu giúp đo lường tiến độ và hiệu quả thực hiện kế hoạch ESG. KPI phải liên kết với các vấn đề trọng yếu, có nguồn dữ liệu rõ ràng và có tần suất cập nhật. KPI giúp giám sát và công bố thông tin, đồng thời xác định trách nhiệm giải trình.

Các thành phần này kết hợp với nhau giúp doanh nghiệp trả lời các câu hỏi quan trọng: làm gì, tại sao làm, khi nào làm, ai thực hiện, cần nguồn lực gì và làm thế nào để đo lường kết quả.

1.5. Các khung và phương pháp xây dựng ESG

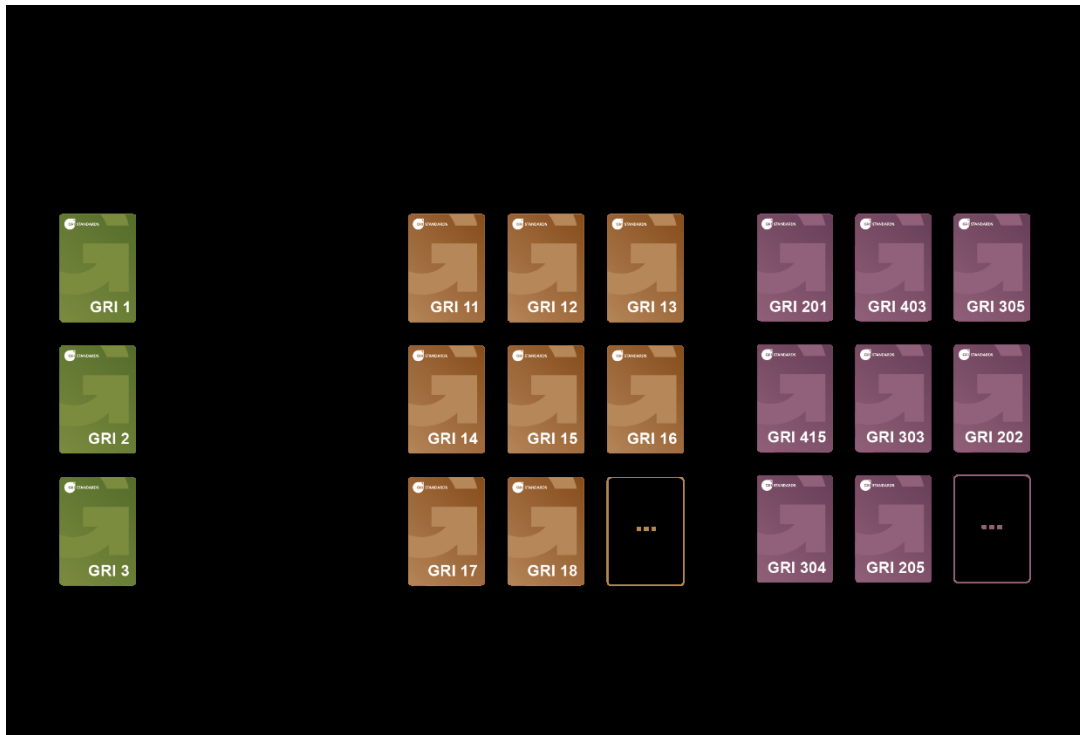
1.5.1. Tổng quan về các khung ESG phổ biến

Hiện nay, việc triển khai ESG trong doanh nghiệp thường dựa trên một số khung và tiêu chuẩn quốc tế, trong đó phổ biến gồm:

Global Reporting Initiative (GRI)

GRI là tổ chức hàng đầu về báo cáo phát triển bền vững. Khung GRI cung cấp một khung tiêu chuẩn toàn diện để báo cáo về hiệu suất ESG của một tổ chức. Tiêu chuẩn này cung cấp hướng dẫn cụ thể về cách thức thu thập thông tin cho từng chủ đề, bao gồm thông tin nào cần đưa vào, cách đo lường và báo cáo về hiệu suất, cũng như cách đảm bảo tính minh bạch và chính xác. GRI là bộ tiêu chuẩn phổ biến nhất hiện

nay khi báo cáo ESG, đồng thời phù hợp áp dụng với các doanh nghiệp nói chung tại Việt Nam.



Hình 1.1. Tổng quan tiêu chuẩn GRI

Về cấu trúc, GRI gồm nhóm tiêu chuẩn phổ quát và nhóm tiêu chuẩn theo chủ đề. Các tiêu chuẩn theo chủ đề trước đây được chia thành GRI 200 về kinh tế, GRI 300 về môi trường và GRI 400 về xã hội. Cấu trúc này cho phép doanh nghiệp lựa chọn nội dung công bố phù hợp với các vấn đề trọng yếu, thay vì phải báo cáo toàn bộ mọi chỉ tiêu. Đối với doanh nghiệp năng lượng, GRI 300 có ý nghĩa lớn vì liên quan đến năng lượng, nước, phát thải, chất thải, đa dạng sinh học và tuân thủ môi trường; GRI 400 hỗ trợ công bố về lao động, an toàn sức khỏe nghề nghiệp, đào tạo, cộng đồng địa phương; còn GRI 200 hỗ trợ các nội dung về hiệu quả kinh tế, tác động kinh tế, mua sắm, chống tham nhũng và cạnh tranh lành mạnh.

Ưu điểm của GRI là tính toàn diện, phổ biến và linh hoạt, phù hợp để doanh nghiệp Việt Nam tham chiếu khi xây dựng báo cáo phát triển bền vững hoặc báo cáo ESG. Tuy nhiên, GRI chủ yếu thiên về báo cáo và công bố thông tin, chưa phải là khung thiết kế toàn bộ kế hoạch triển khai ESG. Vì vậy, trong đề án, GRI được sử dụng chủ yếu để xác định bộ chỉ tiêu ESG, thiết kế dữ liệu, xây dựng KPI và định hướng báo cáo, đồng thời cần kết hợp với các khung khác để hoàn thiện lộ trình, nguồn lực, quản trị rủi ro và tổ chức thực hiện ESG.

Tiêu chuẩn thực hiện của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC)

Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) là cơ quan trực thuộc Nhóm Ngân hàng Thế giới. Bộ Tiêu chuẩn Hoạt động về Môi trường và Xã hội (Performance Standards - PS) là một phần trong Khung Bền vững của IFC và được thiết kế để hướng dẫn khách hàng nhận diện rủi ro và tác động môi trường – xã hội, đồng thời đưa ra cách thức tránh, giảm thiểu và quản lý các rủi ro, tác động đó trong quá trình hoạt động kinh doanh và triển khai dự án. Điểm khác biệt cơ bản giữa IFC và GRI là IFC không tập trung chủ yếu vào việc lập báo cáo bền vững, mà tập trung vào quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong vòng đời dự án. Vì vậy, IFC đặc biệt phù hợp với các dự án năng lượng, hạ tầng, khai thác tài nguyên, giao thông, đô thị và các lĩnh vực có khả năng tác động đáng kể đến môi trường tự nhiên, cộng đồng và người lao động.



Hình 1.2. 8 tiêu chuẩn hoạt động của IFC

Bộ tiêu chuẩn IFC gồm 8 Tiêu chuẩn Hoạt động. Trong đó, PS1 giữ vai trò nền tảng, yêu cầu doanh nghiệp thiết lập hệ thống nhận diện, đánh giá và quản lý rủi ro môi trường – xã hội. Các tiêu chuẩn còn lại tập trung vào lao động và điều kiện làm việc; hiệu quả sử dụng tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm; sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng; thu hồi đất và tái định cư; bảo tồn đa dạng sinh học; quyền lợi của đồng bào dân tộc thiểu số; và bảo vệ di sản văn hóa.

Ưu điểm của IFC là tính thực tiễn cao, hỗ trợ doanh nghiệp quản trị rủi ro từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, xây dựng, vận hành đến kết thúc dự án. Đối với ngành điện lực, IFC đặc biệt phù hợp vì các dự án thường có quy mô vốn lớn, vòng đời dài, tác động môi trường – xã hội đáng kể và có nhu cầu huy động vốn từ các ngân hàng hoặc định

chế tài chính quốc tế. IFC cũng nhấn mạnh tham vấn các bên liên quan, công bố thông tin và cơ chế khiếu nại cấp dự án, là những nội dung quan trọng đối với doanh nghiệp năng lượng gắn với cộng đồng địa phương.

Tuy nhiên, IFC phức tạp hơn GRI và đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu về môi trường – xã hội, quản lý dự án, tham vấn cộng đồng, đa dạng sinh học, an toàn cộng đồng và tiêu chuẩn lao động. IFC cũng không phải là khung báo cáo ESG thông thường, mà là khung quản lý rủi ro và hiệu suất môi trường – xã hội. Vì vậy, trong đề án, IFC nên được dùng để đánh giá rủi ro ESG, thiết kế quy trình sàng lọc rủi ro, xây dựng giải pháp quản lý môi trường – xã hội và chuẩn hóa yêu cầu đối với các dự án đầu tư mới.

Bộ tiêu chuẩn ISO liên quan ESG

ISO là nhóm tiêu chuẩn quốc tế do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế ban hành. ISO không phải là một khung ESG tổng thể bao trùm cả ba trụ cột như một hệ thống báo cáo, nhưng có vai trò quan trọng trong việc chuyển hóa định hướng ESG thành các quy trình quản lý cụ thể, có thể kiểm soát, đánh giá và cải tiến. ISO giúp doanh nghiệp quản lý tác động môi trường, giảm chất thải, nâng cao an toàn lao động và vận hành bền vững hơn.

Trong các tiêu chuẩn ISO liên quan đến ESG, ISO 14001 gắn với trụ cột Môi trường, giúp doanh nghiệp xây dựng hệ thống quản lý môi trường, kiểm soát trách nhiệm môi trường và cải thiện hiệu quả môi trường. ISO 45001 gắn với an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp phòng ngừa tai nạn, quản lý rủi ro an toàn và cải thiện điều kiện làm việc. ISO 26000 là hướng dẫn về trách nhiệm xã hội, định hướng doanh nghiệp trong các nội dung như quản trị tổ chức, quyền con người, lao động, môi trường, hoạt động công bằng và phát triển cộng đồng.

Ưu điểm của ISO là tính hệ thống, tính thực hành và khả năng tích hợp vào quản lý nội bộ. Nếu GRI hỗ trợ công bố thông tin, IFC hỗ trợ quản lý rủi ro môi trường – xã hội cấp dự án, thì ISO hỗ trợ vận hành ESG thông qua quy trình quản lý, phân công trách nhiệm, kiểm soát vận hành, đánh giá nội bộ và cải tiến liên tục. Đối với doanh nghiệp ngành điện, ISO 14001 phù hợp với quản lý môi trường nhà máy, ISO 45001 phù hợp với an toàn lao động trong vận hành, bảo trì, thi công, còn ISO 26000 hỗ trợ trách nhiệm xã hội và quan hệ cộng đồng.

Hạn chế của ISO là không thay thế được các khung báo cáo ESG như GRI hoặc các tiêu chuẩn quản lý rủi ro dự án chuyên sâu như IFC. Nếu chỉ áp dụng ISO, doanh nghiệp có thể có hệ thống quản lý nội bộ tốt nhưng vẫn thiếu cấu trúc báo cáo ESG theo chuẩn quốc tế. Vì vậy, trong đề án, ISO nên được sử dụng để chuẩn hóa quy trình thực hiện ESG, thiết kế hệ thống quản lý nội bộ, tăng cường kiểm soát vận hành và tạo nền tảng cải tiến liên tục.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) của Liên Hợp Quốc

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs) của Liên Hợp Quốc là một khuôn khổ chiến lược toàn cầu được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua vào năm 2015, đóng vai trò là cốt lõi của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. SDGs là một hệ thống toàn diện bao gồm 17 mục tiêu lớn và 169 chỉ tiêu cụ thể, được thiết kế như một bản thiết kế phổ quát nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh sinh thái và đảm bảo hòa bình, thịnh vượng cho toàn nhân loại. Khuôn khổ này được xây dựng dựa trên nguyên tắc định hướng là "không để ai bị bỏ lại phía sau", đòi hỏi sự cam kết hành động đồng bộ từ tất cả các quốc gia phát triển và đang phát triển trong một mối quan hệ đối tác toàn cầu.



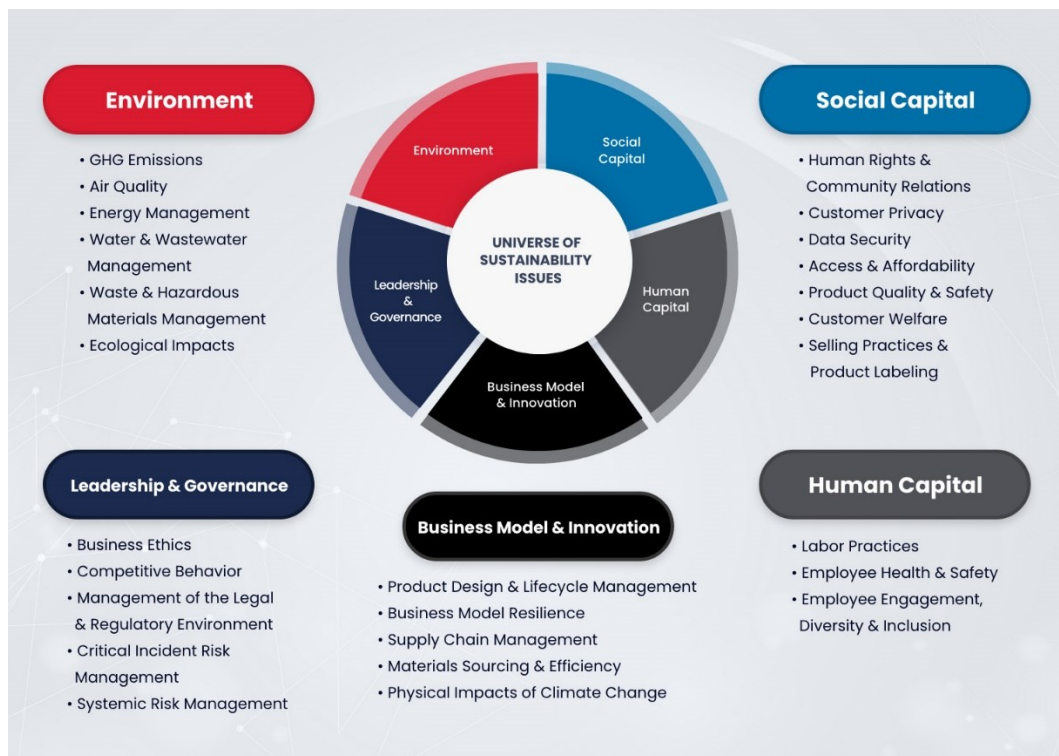
Hình 1.3. 17 mục tiêu phát triển bền vững của LHQ

Cơ chế vận hành của hệ thống SDGs mang tính nền tảng và tích hợp cao, thừa nhận rằng các quyết định can thiệp hoặc sự thiếu hụt trong một lĩnh vực sẽ tất yếu tạo ra hiệu ứng dây chuyền, ảnh hưởng đến kết quả của các lĩnh vực khác. Do đó, hệ thống yêu cầu quỹ đạo phát triển của mọi quốc gia và tổ chức phải đảm bảo sự cân bằng hài hòa giữa ba khía cạnh trọng yếu: tăng trưởng kinh tế, bao trùm xã hội và bảo vệ môi trường bền vững. Mặc dù các mục tiêu này được thiết lập ở tầm vĩ mô quốc gia, SDGs cung cấp một hệ quy chiếu lý luận chung mang tính toàn cầu, đóng vai trò là kim chỉ nam để khu vực doanh nghiệp và các định chế tài chính căn chỉnh chiến lược kinh doanh của mình, đảm bảo rằng các sáng kiến vi mô nội bộ đồng giá trị với lộ trình kiến tạo tương lai bền vững của toàn nhân loại.

Sustainability Accounting Standards Board (SASB)

SASB là bộ tiêu chuẩn kế toán do hội đồng kế toán phát triển với vai trò như một khung mẫu, hướng dẫn doanh nghiệp thống kê tài chính theo đúng định hướng của ESG. SAS cung cấp các tiêu chuẩn cụ thể cho từng ngành, tập trung vào các vấn đề có khả năng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn ban đầu được phát triển bởi Ủy ban Tiêu chuẩn Kế toán Bền vững và phát hành vào năm 2018, Tiêu chuẩn SASB chứa các thông số kỹ thuật về việc công bố thông tin bền vững quan trọng về mặt tài chính trong 77 ngành. Khung này liệt kê các tập hợp con của các vấn đề ESG liên quan cho từng ngành, bao gồm thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ CNTT khác nhau.



Hình 1.4. Bộ tiêu chuẩn kế toán SASB

Đây là lựa chọn phổ biến nhất để đánh giá các chương trình ESG của các nhà cung cấp CNTT trong số 400 chuyên gia CNTT được khảo sát vào năm 2022 bởi bộ phận Enterprise Strategy Group của TechTarget – được 66% số người được hỏi trích dẫn là một khung liên quan cho tổ chức của họ. Năm 2021, SASB được hợp nhất vào Quỹ Báo cáo Giá trị, sau đó được Quỹ IFRS tiếp nhận vào năm 2022. Các Tiêu chuẩn SASB hiện vẫn có sẵn để sử dụng, mặc dù Quỹ IFRS cho biết cuối cùng chúng sẽ được thay thế bằng các tiêu chuẩn mới của họ.

Công bố tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu (TCFD)

Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính liên quan đến Khí hậu (Task Force on Climate-related Financial Disclosures - TCFD) là một khuôn khổ chuẩn mực quốc tế do Ủy ban Ổn định Tài chính (Financial Stability Board - FSB) thành lập vào năm 2015. TCFD cung cấp một bộ khuyến nghị toàn diện nhằm giúp các công ty đại chúng và các tổ chức khác công bố thông tin một cách hiệu quả về các rủi ro và cơ hội tài chính liên quan đến khí hậu thông qua các quy trình báo cáo hiện có của họ. Mục tiêu của khuôn khổ này là thiết lập một hệ thống thông tin rõ ràng, minh bạch và có chất lượng cao, từ đó hỗ trợ thị trường tài chính đánh giá chính xác tác động của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế, bao gồm các rủi ro từ việc tăng nhiệt độ toàn cầu, các chính sách khí hậu và sự xuất hiện của các công nghệ mới.

Cấu trúc cốt lõi của bộ tiêu chuẩn TCFD được xây dựng xung quanh bốn lĩnh vực chuyên đề đại diện cho các yếu tố vận hành trọng yếu của một tổ chức: Quản trị (Governance), Chiến lược (Strategy), Quản lý rủi ro (Risk Management), và Chỉ số & Mục tiêu (Metrics and Targets). Trong đó, khía cạnh Quản trị yêu cầu minh bạch hóa vai trò giám sát của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đối với các rủi ro khí hậu. Khía cạnh Chiến lược và Quản lý rủi ro đòi hỏi tổ chức phải nhận diện, đánh giá tác động và mô tả khả năng phục hồi của chiến lược kinh doanh dưới các kịch bản khí hậu khác nhau (bao gồm kịch bản 2°C hoặc thấp hơn). Cuối cùng, khía cạnh Chỉ số & Mục tiêu bắt buộc tổ chức phải công bố các thước đo định lượng, bao gồm lượng phát thải khí nhà kính, nhằm đánh giá hiệu quả quản trị rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu.

Tiêu chuẩn Môi trường Xã hội (E&S) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)

Khung Môi trường và Xã hội (Environmental and Social Framework - ESF) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) là hệ thống các yêu cầu bắt buộc nhằm đảm bảo các dự án do ADB tài trợ đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trao quyền cho cộng đồng. Hệ thống tiêu chuẩn này cung cấp các công cụ và khuôn khổ toàn diện để đánh giá, nhận diện và quản lý các rủi ro, tác động của dự án đối với các yếu tố môi trường và xã hội. Cụ thể, ADB thiết lập hệ thống Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (từ ESS1 đến ESS10) bao trùm các khía cạnh trọng yếu như: Đánh giá và quản lý rủi ro tổng thể; Điều kiện lao động; Hiệu quả tài nguyên và phòng chống ô nhiễm; Sức khỏe và an toàn cộng đồng; Thu hồi đất và tái định cư; Bảo tồn đa dạng sinh học; Bảo vệ Đồng bào dân tộc thiểu số và Di sản văn hóa; Thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu; cùng với công tác Gắn kết các bên liên quan.



Environmental and Social Standards (ESSs)

Hình 1.5. Khung ESF của ADB

Để đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe này, khách hàng vay vốn phải xây dựng và thực thi các tài liệu đánh giá và quản lý chuyên sâu (như báo cáo đánh giá tác động môi trường - xã hội, kế hoạch quản lý lao động, kế hoạch hành động đa dạng sinh học, hoặc kế hoạch thu hồi đất) tuân thủ theo Thực hành Quốc tế Tốt nhất (Good International Practice - GIP). Mục tiêu cốt lõi của bộ tiêu chuẩn là áp dụng hệ thống phân cấp giảm nhẹ nhằm tránh, hạn chế rủi ro, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và duy trì sinh kế an toàn cho người dân tại khu vực dự án.

1.5.2. Phương pháp xây dựng lộ trình ESG

Xây dựng lộ trình ESG là một quá trình chiến lược, không chỉ đơn giản là sắp xếp hoạt động theo thời gian. Lộ trình ESG cần trả lời ba câu hỏi quan trọng: doanh nghiệp đang ở đâu, cần đạt được mục tiêu gì và phải làm gì để đạt được mục tiêu đó. Để thực hiện, doanh nghiệp cần kết hợp bốn phương pháp: tiếp cận theo mức độ trưởng thành ESG, phân tích khoảng cách, phân tích trọng yếu và tiếp cận theo các giai đoạn phát triển ESG.

Tiếp cận theo mức độ trưởng thành ESG giúp doanh nghiệp xác định vị trí hiện tại, từ đó đánh giá khả năng triển khai ESG qua các cấp độ: Tuân thủ, Quản lý, Tích hợp và Dẫn dắt. Phương pháp này giúp doanh nghiệp tránh đặt mục tiêu vượt quá khả năng thực tế, đồng thời tạo cơ sở cho các bước triển khai tiếp theo.

Phân tích khoảng cách so sánh thực trạng của doanh nghiệp với mục tiêu theo các khung ESG như GRI, IFC, TCFD, giúp xác định các khoảng trống về dữ liệu, chính sách, quy trình, quản trị rủi ro và công bố thông tin. Kết quả này là cơ sở để xây dựng các giải pháp trong lộ trình hành động.

Phân tích trọng yếu giúp xác định các vấn đề ESG quan trọng nhất đối với doanh nghiệp và các bên liên quan, từ đó lựa chọn những vấn đề cần ưu tiên triển khai. Đối với doanh nghiệp thủy điện, các vấn đề trọng yếu thường bao gồm tài nguyên nước, khí hậu, an toàn lao động, cộng đồng, và minh bạch thông tin.

Tiếp cận theo các giai đoạn phát triển ESG chia quá trình triển khai thành các giai đoạn rõ ràng: Nền tảng, Chuẩn hóa, Tích hợp và Nâng cao. Giai đoạn Nền tảng tập trung vào nhận thức, bộ máy, và dữ liệu ban đầu; Chuẩn hóa xây dựng chính sách và quy trình; Tích hợp đưa ESG vào quản trị rủi ro và chiến lược đầu tư; Nâng cao hướng tới cải tiến liên tục và khai thác tài chính xanh.

Như vậy, bốn phương pháp này tạo thành một chuỗi logic giúp doanh nghiệp xác định vị trí hiện tại, lựa chọn ưu tiên và xây dựng lộ trình triển khai ESG khả thi.

1.5.3. Phương pháp xây dựng kế hoạch ESG

Xây dựng kế hoạch ESG cần được tiếp cận như một quá trình hoạch định quản trị có hệ thống, nhằm chuyển hóa mục tiêu phát triển bền vững thành chương trình hành động, nguồn lực, KPI và cơ chế giám sát cụ thể. Kế hoạch ESG giúp doanh nghiệp xác định rõ cần làm gì, làm khi nào, ai chịu trách nhiệm, cần nguồn lực gì và đo lường kết quả bằng chỉ số nào.

Trước hết, doanh nghiệp cần xác định mục tiêu ESG gồm mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn. Mục tiêu dài hạn gắn với định hướng chiến lược như quản trị rủi ro khí hậu, hoàn thiện báo cáo ESG, tiếp cận vốn xanh hoặc tích hợp ESG vào kinh doanh. Mục tiêu ngắn hạn cụ thể hơn, như thiết lập bộ máy ESG, xây dựng KPI, kiểm kê phát thải, ban hành quy trình dữ liệu hoặc lập báo cáo ESG đầu tiên.

Tiếp theo, kế hoạch ESG cần được xây dựng theo ba trụ cột E–S–G. Với trụ cột Môi trường, nội dung có thể gồm quản lý năng lượng, nước, chất thải, phát thải khí nhà kính, rủi ro khí hậu và tuân thủ môi trường. Với trụ cột Xã hội, nội dung gồm an toàn lao động, đào tạo, phúc lợi, cộng đồng, cơ chế khiếu nại và trách nhiệm trong chuỗi cung ứng. Với trụ cột Quản trị, nội dung tập trung vào cấu trúc quản trị ESG, vai trò lãnh đạo, kiểm soát nội bộ, đạo đức kinh doanh, quản trị rủi ro, công bố thông tin và chất lượng dữ liệu.

Bên cạnh đó, kế hoạch cần được tổ chức theo thời gian dưới dạng kế hoạch hành động theo năm hoặc theo giai đoạn. Giai đoạn đầu thường ưu tiên rà soát tuân thủ, xác định chủ đề trọng yếu, xây dựng dữ liệu và bộ chỉ tiêu. Giai đoạn tiếp theo tập trung

chuẩn hóa quy trình, báo cáo, tích hợp ESG vào quản trị rủi ro và đầu tư. Giai đoạn cao hơn hướng đến nâng cao công bố thông tin, bảo đảm độc lập, tài chính xanh và cải tiến liên tục.

Kế hoạch ESG cũng phải phân bổ nguồn lực phù hợp về nhân sự, tài chính và công nghệ. Doanh nghiệp cần xác định đầu mối phụ trách ESG, chủ sở hữu dữ liệu, đơn vị phối hợp, ngân sách cho đào tạo, tư vấn, kiểm kê phát thải, báo cáo ESG, công nghệ dữ liệu và các chương trình cải thiện môi trường – xã hội.

Cuối cùng, kế hoạch ESG cần có hệ thống giám sát gồm KPI ESG, báo cáo ESG và kiểm soát nội bộ. KPI giúp đo lường tiến độ và kết quả thực hiện; báo cáo ESG cung cấp thông tin cho lãnh đạo và các bên liên quan; kiểm soát nội bộ bảo đảm dữ liệu có độ tin cậy. Đây là điều kiện để nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và năng lực quản trị ESG của doanh nghiệp.

1.5.4. Khung phương pháp tổng hợp đề xuất cho đề án

Trên cơ sở các khung ESG và phương pháp tiếp cận đã trình bày, đề án lựa chọn cách tiếp cận kết hợp nhằm bảo đảm kế hoạch và lộ trình triển khai ESG vừa có cơ sở lý luận vừa có tính khả thi tại PC3-INVEST. ESG được tiếp cận như một hệ thống quản trị tổng hợp, trong đó các khung được sử dụng theo vai trò bổ trợ lẫn nhau thay vì một khung đơn lẻ.

GRI được sử dụng để xây dựng hệ thống chỉ tiêu ESG và cấu trúc báo cáo theo ba nhóm kinh tế, môi trường và xã hội. SASB bổ sung góc nhìn trọng yếu tài chính theo ngành, giúp xác định các chỉ tiêu ESG có ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính và giá trị doanh nghiệp. TCFD được sử dụng để nhận diện và quản trị rủi ro khí hậu theo bốn trụ cột quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro, chỉ số và mục tiêu.

IFC Performance Standards được sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro môi trường – xã hội ở cấp dự án, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng. Các tiêu chuẩn ISO (14001, 45001, 26000) được sử dụng để chuẩn hóa hệ thống quản lý nội bộ, chuyển hóa mục tiêu ESG thành quy trình, trách nhiệm và cơ chế kiểm soát. SDGs được sử dụng như khung định hướng mục tiêu phát triển bền vững ở cấp độ rộng hơn, giúp liên kết các sáng kiến ESG với mục tiêu toàn cầu.

Về phương pháp, đề án áp dụng phân tích GAP để so sánh thực trạng PC3-INVEST với các yêu cầu ESG từ các khung tham chiếu, từ đó xác định khoảng trống về dữ liệu, chính sách, quy trình, bộ máy và công bố thông tin, làm cơ sở cho xây dựng giải pháp. Đồng thời, đề án kết hợp mô hình mức độ trưởng thành ESG và các giai đoạn phát triển ESG để xác định vị trí hiện tại và xây dựng lộ trình triển khai theo từng bước từ nền tảng đến nâng cao.

Cách tiếp cận kết hợp này bảo đảm tính logic giữa cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng và giải pháp, đồng thời tăng tính khả thi trong triển khai ESG tại PC3-INVEST.

1.6. Kinh nghiệm thực tiễn

Kinh nghiệm từ các doanh nghiệp điện lực cho thấy ESG cần được tích hợp vào chiến lược phát triển, quản trị rủi ro, vận hành và quan hệ với các bên liên quan, thay vì chỉ là hoạt động báo cáo riêng biệt. Với đặc thù phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, vốn đầu tư dài hạn, an toàn vận hành và sự chấp nhận của cộng đồng, doanh nghiệp điện lực cần xây dựng hệ thống ESG gắn với chuyển dịch năng lượng, giảm phát thải, an toàn lao động, trách nhiệm xã hội và minh bạch quản trị.

Kinh nghiệm trong nước từ EVN cho thấy ESG cần gắn với chiến lược chuyển dịch năng lượng, mục tiêu trung hòa carbon, kiểm kê phát thải, quản lý môi trường, phát triển nguồn nhân lực và trách nhiệm cộng đồng. Báo cáo phát triển bền vững có thể được sử dụng như công cụ quản trị, đối thoại với các bên liên quan và xây dựng hệ thống KPI theo GRI, SDGs.

Kinh nghiệm quốc tế từ Enel và Iberdrola cho thấy ESG ở cấp độ cao cần liên kết với chiến lược tài chính, phân bổ vốn, khử carbon, năng lượng tái tạo, thích ứng khí hậu, đa dạng sinh học và minh bạch thông tin. ESG không chỉ xoay quanh phát thải carbon mà còn bao gồm quản trị tài nguyên, hệ sinh thái và sự chấp nhận xã hội của dự án.

Từ đó, bài học rút ra là doanh nghiệp điện lực cần tích hợp ESG vào chiến lược và đầu tư; lựa chọn khung đo lường phù hợp như GRI, SDGs, TCFD; ưu tiên các vấn đề trọng yếu gồm phát thải, khí hậu, tài nguyên nước, an toàn vận hành, an toàn lao động, đa dạng sinh học, cộng đồng và minh bạch quản trị; đồng thời xây dựng dữ liệu, KPI và lộ trình triển khai theo từng giai đoạn để nâng cao khả năng huy động vốn xanh và phát triển bền vững.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÁC KHÍA CẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3 (PC3-INVEST)

2.1. Giới thiệu về PC3-INVEST

Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (tên giao dịch: PC3-INVEST), mã chứng khoán PIC, là một trong những doanh nghiệp năng lượng có uy tín gắn liền với khu vực miền Trung và Tây Nguyên, đặt trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng. Công ty chính thức được thành lập vào tháng 12 năm 2007 trên cơ sở cổ phần hóa từ Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ thuộc Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng công ty Điện lực miền Trung - EVNCPC) do 5 cổ đông sáng lập có tổng vốn điều lệ là 600 tỷ đồng, trong đó:

1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung góp 55,4%.
2. Công ty TNHH Đại Hoàng Hà góp 5,6%.
3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình góp 4%.
4. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thương mại và Công nghiệp Việt Á góp 2%.
5. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà góp 2%.

Và 6526 cổ đông thể nhân góp 31%.

Sự ra đời của PC3-INVEST đánh dấu bước chuyển mình chiến lược trong việc huy động các nguồn vốn xã hội hóa để phát triển hạ tầng năng lượng. Ngay từ những ngày đầu, công ty đã nhận được sự hậu thuẫn vững chắc từ các cổ đông sáng lập lớn, trong đó EVNCPC đóng vai trò là công ty mẹ nắm giữ tỷ lệ chi phối (trên 55% vốn điều lệ tính đến nay). Sau quá trình củng cố năng lực vận hành, đặc biệt là việc đưa các nhà máy thủy điện Đắk Pône và Đakrông 1 vào khai thác thương mại, PC3-INVEST đã chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM vào tháng 8 năm 2015 và tiến lên niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vào năm 2016, khẳng định sự minh bạch và cam kết phát triển dài hạn trước các nhà đầu tư.

Tầm nhìn

PC3 INVEST phấn đấu là một thương hiệu mạnh, là doanh nghiệp hàng đầu về phân phối và kinh doanh điện năng phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân trong khu vực miền Trung Tây Nguyên, góp phần cùng EVN thực hiện vai trò chủ đạo trong nhiệm vụ đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; là đơn vị có nguồn nhân lực chất lượng cao và hệ thống quản lý hiện đại, không ngừng phát triển về quy mô và chất lượng thuộc lĩnh vực hoạt động.

Sứ mệnh

PC3 INVEST có vai trò chủ đạo trong nhiệm vụ cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng các địa phương miền Trung, Tây Nguyên Việt Nam. PC3 INVEST nỗ lực hết mình để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về điện năng và các dịch vụ liên quan khác.

2.2. Thực trạng yếu tố Môi trường (E)

Khía cạnh môi trường giữ vai trò trọng tâm đối với PC3-INVEST do công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện, đặc biệt là thủy điện. Về tuân thủ pháp luật, công ty đã có nền tảng tương đối đầy đủ với các giấy phép khai thác nước mặt, giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ an toàn đập, phương án phòng chống thiên tai, ứng phó khẩn cấp và các báo cáo định kỳ theo quy định. Đặc biệt, việc được cấp chứng chỉ giảm phát thải nhà kính được chứng nhận (CERs) cho thấy tiềm năng của công ty trong việc khẳng định giá trị năng lượng sạch và tiếp cận thị trường carbon.

Tuy nhiên, khi đối chiếu với các chuẩn mực ESG quốc tế như GRI, SASB và TCFD, công tác quản trị môi trường của công ty vẫn còn một số khoảng trống. Các phương án hiện tại tập trung vào bảo vệ công trình khi có thiên tai, trong khi chưa chú trọng đầy đủ đến phân tích rủi ro khí hậu, rủi ro suy giảm tài nguyên nước và tác động của biến đổi khí hậu đến dòng tiền, sản lượng điện trong dài hạn. Công ty cũng chưa xây dựng đầy đủ các kịch bản khí hậu và mô hình dự báo rủi ro thủy văn theo hướng chủ động.

Bên cạnh đó, dù đã có CERs, công ty chưa triển khai hệ thống kiểm kê phát thải khí nhà kính toàn diện ở cấp doanh nghiệp, bao gồm phát thải trực tiếp, gián tiếp và phát thải trong chuỗi cung ứng. Điều này có thể hạn chế khả năng đáp ứng các yêu cầu pháp luật trong tương lai và khả năng tham gia thị trường tín chỉ carbon. Ngoài ra, công ty chưa ban hành chính sách môi trường rõ ràng, chưa có kế hoạch hành động về đa dạng sinh học, dòng chảy sinh thái và chưa áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001.

Nhìn chung, PC3-INVEST đã có nền tảng tuân thủ môi trường và một số lợi thế về năng lượng sạch, nhưng cần nâng cấp từ quản lý tuân thủ sang quản trị rủi ro môi trường theo chuẩn ESG quốc tế. Trọng tâm trong thời gian tới là hoàn thiện dữ liệu môi trường, kiểm kê phát thải, quản trị rủi ro khí hậu, tài nguyên nước, đa dạng sinh học và chuẩn hóa hệ thống quản lý môi trường.

2.3. Thực trạng yếu tố Xã hội (S)

Khía cạnh xã hội của PC3-INVEST được xem xét trên hai phương diện chính: quản trị nguồn nhân lực nội bộ và quản trị tác động cộng đồng bên ngoài. Về nguồn nhân lực, công ty đã có nền tảng tuân thủ pháp luật lao động tương đối tốt, thực hiện

các chế độ phúc lợi, bảo hiểm, đãi ngộ và tổ chức huấn luyện an toàn lao động định kỳ cho đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành tại các nhà máy thủy điện.

Tuy nhiên, khi đối chiếu với GRI 403 và SASB, công ty vẫn thiếu các chỉ số định lượng theo chuẩn quốc tế như tỷ lệ tai nạn lao động, tỷ lệ ngày công mất mát do sự cố, cũng như các chỉ tiêu về đa dạng, công bằng và bao trùm theo GRI 405. Điều này làm cho hồ sơ xã hội của doanh nghiệp chưa thật sự đầy đủ và khó so sánh theo chuẩn ESG.

Về cộng đồng, PC3-INVEST có truyền thống thực hiện các hoạt động an sinh xã hội tại địa bàn miền núi, như hỗ trợ hạ tầng nông thôn, giáo dục và khắc phục hậu quả thiên tai. Tuy nhiên, các hoạt động này còn mang tính thiện nguyện, phân tán và chưa được chuyển hóa thành hệ thống quản trị tác động xã hội theo GRI 413. Công ty chưa có công cụ đánh giá hiệu quả xã hội rõ ràng để đo lường tác động thực tế của các chương trình cộng đồng.

Ngoài ra, khi đối chiếu với các chuẩn mực của ADB và IFC, công ty còn thiếu cơ chế tham vấn cộng đồng có hệ thống, đặc biệt đối với các nhóm dân cư chịu ảnh hưởng bởi dự án. PC3-INVEST cũng chưa thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại cấp cơ sở độc lập, dễ tiếp cận và có quy trình rõ ràng. Vì vậy, trong thời gian tới, công ty cần chuẩn hóa dữ liệu xã hội, xây dựng KPI về lao động và cộng đồng, thiết lập cơ chế tham vấn, tiếp nhận phản ánh và quản trị tác động xã hội theo hướng hệ thống hơn.

2.4. Thực trạng yếu tố Quản trị (G)

PC3-INVEST là doanh nghiệp đại chúng niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC, nên đã có nền tảng quản trị công ty tương đối minh bạch và tuân thủ các yêu cầu đối với doanh nghiệp niêm yết. Cơ cấu quản trị được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, với sự phân định vai trò giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành. Công ty cũng thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập và đã lồng ghép một số nội dung môi trường, lao động trong Báo cáo thường niên.

Tuy nhiên, khi đối chiếu với các yêu cầu quản trị ESG theo TCFD, SASB và tư duy quản trị rủi ro, hệ thống hiện tại vẫn còn một số khoảng trống. Công ty chưa có thiết chế chuyên trách về ESG hoặc phát triển bền vững cấp cao để tham mưu, giám sát và điều phối các rủi ro phi tài chính. Các vấn đề môi trường, xã hội chủ yếu được xử lý tại các phòng ban chuyên môn, còn phân tán và chưa tích hợp đầy đủ vào hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp.

Ngoài ra, rủi ro khí hậu chưa được nhận diện và lượng hóa như một rủi ro tài chính trọng yếu trong chiến lược dài hạn. Cơ chế phân bổ vốn và thiết lập mục tiêu

điều hành vẫn chủ yếu gắn với các chỉ tiêu tài chính ngắn hạn như sản lượng điện và lợi nhuận, trong khi còn thiếu các chỉ tiêu ESG liên quan đến giảm phát thải, tối ưu tài nguyên nước, quản trị rủi ro khí hậu và mở rộng danh mục năng lượng tái tạo. Vì vậy, PC3-INVEST cần tiếp tục nâng cấp hệ thống quản trị theo hướng tích hợp ESG vào chiến lược, quản trị rủi ro, phân bổ vốn, KPI điều hành và công bố thông tin.

2.5. Đánh giá tổng hợp và xác định vị trí trên lộ trình ESG

2.5.1. Bảng tổng hợp thực trạng E-S-G

Trụ cột	Nền tảng hiện có	Khoảng trống chính	Nhận định tổng hợp
Môi trường (E)	Công ty hoạt động trong lĩnh vực năng lượng sạch; có dữ liệu nhất định về nước mặt, nước thải, chất thải nguy hại, chất thải không nguy hại và tuân thủ môi trường; đã có CERs, tạo tiền đề ban đầu cho quản lý giá trị giảm phát thải.	Chưa đo lường đầy đủ tiêu thụ năng lượng tổng thể, phát thải GHG Phạm vi 1, Phạm vi 2, Phạm vi 3, tổng phát thải GHG sau bù trừ và đa dạng sinh học; chưa có kiểm kê phát thải khí nhà kính cấp doanh nghiệp; chưa tích hợp rủi ro khí hậu và tài nguyên nước vào quản trị rủi ro theo hướng định lượng.	Trụ cột Môi trường có nền tảng tuân thủ và dữ liệu ban đầu, nhưng chưa hình thành hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ESG với dữ liệu đầy đủ, KPI rõ ràng, cơ chế kiểm soát và khả năng công bố thông tin theo GRI, SASB, TCFD.
Xã hội (S)	Công ty có nền tảng về quản lý lao động, phúc lợi, an toàn lao động, đào tạo và một số hoạt động an sinh xã hội tại địa bàn liên quan; có mối quan hệ nhất định với cộng đồng địa phương.	Chưa chuẩn hóa đầy đủ KPI xã hội như tai nạn lao động, ngày công mất mát, số giờ đào tạo, hiệu quả chương trình cộng đồng, dữ liệu đa dạng và cơ hội bình đẳng; chưa có cơ chế phản ánh cộng đồng có quy trình rõ ràng; chưa xác lập chính thức vai trò cán bộ liên lạc cộng đồng trong hệ thống ESG.	Trụ cột Xã hội có nền tảng thực tiễn nhưng còn thiên về tuân thủ và hoạt động sự vụ. Cần chuyển sang quản trị xã hội bằng dữ liệu, quy trình, trách nhiệm, cơ chế phản hồi và đánh giá kết quả.
Quản trị (G)	PC3-INVEST là doanh nghiệp niêm yết, có cơ cấu quản trị công ty, thực hiện công bố thông tin theo quy định, có nền tảng quản trị tài	Chưa có đầu mối ESG cấp công ty; chưa có bộ KPI ESG; chưa có quy trình quản lý dữ liệu ESG; chưa có cơ chế kiểm soát nội bộ dữ liệu ESG trước công bố; chưa tích	Trụ cột Quản trị có nền tảng pháp lý và công bố thông tin truyền thống, nhưng chưa phát triển thành hệ thống quản trị

	chính và pháp lý.	hợp ESG vào quản trị rủi ro, kế hoạch đầu tư, quản trị tài chính và nguồn vốn xanh.	ESG có tính chiến lược, có trách nhiệm giải trình và gắn với ra quyết định.
--	-------------------	---	---

Bảng 2.1. Tổng hợp thực trạng ESG tại PC3-INVEST

2.5.2. Xác định mức độ trưởng thành ESG hiện tại

Cấp độ trưởng thành ESG	Đặc điểm chính	Mức độ phù hợp với PC3-INVEST
Tuân thủ	Doanh nghiệp chủ yếu thực hiện các yêu cầu pháp luật, nghĩa vụ môi trường, lao động, an toàn, công bố thông tin và trách nhiệm xã hội cơ bản.	Phù hợp ở mức cao. PC3-INVEST có nền tảng tuân thủ pháp lý, vận hành trong lĩnh vực năng lượng sạch, có một số dữ liệu môi trường – xã hội và thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nghiêm ngặt.
Quản lý	Doanh nghiệp bắt đầu xây dựng chính sách, quy trình, dữ liệu, KPI, đầu mối phụ trách và báo cáo nội bộ để quản lý ESG thường xuyên.	Phù hợp một phần. Công ty đã có một số tiền đề như dữ liệu ban đầu và CERs, nhưng chưa có đầu mối ESG cấp công ty, bộ KPI ESG chính thức, quy trình dữ liệu và báo cáo ESG nội bộ.
Tích hợp	ESG được đưa vào quản trị rủi ro, vận hành, chiến lược đầu tư, quản trị tài chính, công bố thông tin và ra quyết định.	Chưa đạt. Công ty chưa tích hợp đầy đủ rủi ro khí hậu, tài nguyên nước, phát thải khí nhà kính, cộng đồng, nguồn vốn xanh vào hệ thống quản trị và đầu tư.
Dẫn dắt	ESG trở thành lợi thế cạnh tranh, có dữ liệu được kiểm chứng, công bố thông tin nâng cao, tài chính xanh và đổi mới mô hình kinh doanh bền vững.	Chưa đạt. Đây là định hướng dài hạn sau khi công ty hoàn thiện nền tảng dữ liệu, quy trình, KPI, kiểm soát nội bộ và công bố ESG.

Bảng 2.2. Xác định mức độ trưởng thành ESG hiện tại của PC3-INVEST

2.5.3. Phân tích khoảng trống chiến lược

Nhóm vấn đề	Thực trạng hiện tại	Yêu cầu ESG mục tiêu	Khoảng cách cần xử lý
Dữ liệu ESG	Dữ liệu E, S, G còn phân tán; một số chỉ tiêu đã có nhưng chưa chuẩn hóa; nhiều chỉ tiêu chưa đo lường.	Có hệ thống dữ liệu ESG thống nhất, cập nhật định kỳ, có biểu mẫu, nguồn dữ liệu, phương pháp tính và trách nhiệm phê duyệt.	Xây dựng bản đồ dữ liệu ESG, quy trình dữ liệu, biểu mẫu thu thập, tần suất cập nhật và cơ chế kiểm tra.

Phát thải khí nhà kính	Đã có CERs nhưng chưa có kiểm kê phát thải khí nhà kính cấp doanh nghiệp; chưa đo lường đầy đủ GHG Phạm vi 1, 2, 3.	Có dữ liệu phát thải GHG theo phạm vi phù hợp; dữ liệu phục vụ GRI, SASB, TCFD, quản lý CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon.	Xây dựng lộ trình kiểm kê phát thải khí nhà kính, ưu tiên Phạm vi 1 và Phạm vi 2, sau đó mở rộng Phạm vi 3 theo khả năng dữ liệu.
Rủi ro khí hậu và tài nguyên nước	Quản lý rủi ro thiên tai chủ yếu thiên về bảo vệ công trình và ứng phó khi có sự kiện cực đoan.	Rủi ro khí hậu, thủy văn và tài nguyên nước được đưa vào quản trị rủi ro, kế hoạch sản lượng, dòng tiền, vận hành và đầu tư.	Tích hợp dữ liệu thủy văn, tài nguyên nước, sản lượng điện, dòng tiền và kịch bản khí hậu vào quản trị rủi ro theo định hướng TCFD.
An toàn đập và cộng đồng hạ du	Có nền tảng vận hành công trình và yêu cầu an toàn theo quy định, nhưng chưa được đặt trong hệ thống KPI ESG tổng thể.	An toàn đập, vận hành hồ chứa, cảnh báo, diễn tập và phối hợp địa phương được quản lý như vấn đề ESG trọng yếu.	Chuẩn hóa dữ liệu an toàn vận hành, cơ chế phối hợp địa phương, kế hoạch ứng phó và báo cáo định kỳ.
Chất thải, nước thải và tuân thủ môi trường	Đã có một số dữ liệu và hoạt động tuân thủ môi trường.	Có KPI, hồ sơ, biểu mẫu, chứng từ, tần suất kiểm tra và báo cáo định kỳ.	Chuẩn hóa hồ sơ, biểu mẫu và trách nhiệm theo dõi; gắn dữ liệu môi trường với báo cáo ESG.
Đa dạng sinh học	Chưa triển khai đo lường có hệ thống.	Có cơ chế ghi nhận tác động hoặc sự cố liên quan đến đa dạng sinh học tại khu vực nhà máy, hồ chứa, địa bàn dự án.	Xây dựng bước đầu cơ chế ghi nhận, theo dõi và báo cáo phù hợp với quy mô của công ty.
An toàn lao động và đào tạo	Có hoạt động huấn luyện, đào tạo, phúc lợi nhưng chưa chuẩn hóa đầy đủ KPI xã hội.	Có dữ liệu về tai nạn lao động, ngày công mất mát, số giờ đào tạo, tỷ lệ hoàn thành huấn luyện và sức khỏe nghề nghiệp.	Chuẩn hóa KPI an toàn, đào tạo và phúc lợi; đưa vào báo cáo xã hội định kỳ.
Cộng đồng và phản ánh	Có hoạt động an sinh xã hội nhưng còn thiên về sự vụ; chưa có cơ chế phản ánh cộng đồng rõ	Có cán bộ liên lạc cộng đồng, biểu mẫu phản ánh, quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý và báo cáo kết quả.	Thiết lập cơ chế phản ánh cộng đồng và chuyển hoạt động an sinh xã hội thành

	ràng.		chương trình có mục tiêu, hồ sơ, dữ liệu.
Cấu trúc quản trị ESG	Chưa có đầu mối ESG cấp công ty, chưa có bộ máy ESG chính thức.	Có đầu mối ESG, cán bộ bán chuyên trách về ESG tại nhà máy, cán bộ liên lạc cộng đồng, phân công trách nhiệm rõ ràng.	Thiết lập bộ máy ESG tinh gọn nhưng đủ chức năng điều phối, thu thập dữ liệu, báo cáo và kiểm soát.
Công bố thông tin ESG	Chủ yếu thực hiện công bố thông tin pháp lý truyền thống; chưa có báo cáo ESG có cấu trúc.	Công bố thông tin ESG theo hướng có dữ liệu, có chỉ tiêu, có khả năng giải trình, tham chiếu GRI, SASB, TCFD.	Xây dựng báo cáo ESG nội bộ trước, sau đó từng bước nâng cấp công bố ra bên ngoài.
Kiểm soát nội bộ dữ liệu ESG	Chưa có cơ chế kiểm soát riêng đối với dữ liệu ESG.	Dữ liệu ESG trọng yếu được rà soát trước khi báo cáo và công bố.	Thiết lập cơ chế kiểm tra chéo, lưu trữ hồ sơ, phê duyệt dữ liệu và trách nhiệm giải trình.
Nguồn vốn xanh và đầu tư	Định hướng điện gió Tân Lập 50MW đòi hỏi năng lực ESG cao hơn, nhưng dữ liệu và công bố thông tin chưa hoàn thiện.	Hồ sơ đầu tư tích hợp ESG, rủi ro môi trường – xã hội, dữ liệu phát thải, cộng đồng, nhà thầu, nguồn vốn xanh.	Đưa ESG vào chuẩn bị đầu tư, quản trị tài chính và làm việc với cổ đông, nhà đầu tư, tổ chức tín dụng.

Bảng 2.3. Phân tích GAP trong triển khai ESG tại PC3-INVEST

Từ bảng GAP trên, có thể nhận định rằng khoảng trống lớn nhất của PC3-INVEST không nằm ở việc thiếu hoàn toàn hoạt động ESG, mà nằm ở việc các hoạt động hiện có chưa được hệ thống hóa thành năng lực quản trị. Công ty đã có một số nền tảng về tuân thủ, vận hành, môi trường, lao động, cộng đồng và công bố thông tin, nhưng chưa có cơ chế kết nối các yếu tố này thành hệ thống ESG thống nhất. Đây là khoảng cách có tính cấu trúc, bởi nếu không có bộ máy, dữ liệu, KPI và kiểm soát nội bộ, các giải pháp về Môi trường và Xã hội sẽ khó được tích hợp vào quản trị chiến lược, tài chính và đầu tư.

Đặc biệt, đối với PC3-INVEST, khoảng trống về rủi ro khí hậu và tài nguyên nước có ý nghĩa trọng yếu. Biến động thủy văn có thể tác động trực tiếp đến sản lượng điện, doanh thu và dòng tiền. Do đó, quản trị rủi ro khí hậu không nên chỉ được nhìn nhận là nội dung môi trường, mà cần được xem là vấn đề tài chính và chiến lược. Tương tự, việc công ty có CERs nhưng chưa có kiểm kê phát thải khí nhà kính cấp

doanh nghiệp cho thấy khoảng cách giữa lợi thế năng lượng sạch và năng lực chứng minh, đo lường, công bố lợi thế đó bằng dữ liệu. Khoảng cách này cần được xử lý nếu công ty muốn chuẩn bị tốt hơn cho thị trường giao dịch tín chỉ carbon, nguồn vốn xanh và các yêu cầu của nhà đầu tư.

2.5.4. Xác định các vấn đề ưu tiên

Vấn đề ưu tiên	Cơ sở xác định	Mức độ ưu tiên	Định hướng
Quản trị rủi ro khí hậu và tài nguyên nước	Tài nguyên nước, thủy văn, El Nino, La Nina và biến động thời tiết ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện, doanh thu, dòng tiền và vận hành thủy điện.	Rất cao	Đưa rủi ro khí hậu và tài nguyên nước vào quản trị rủi ro; chuẩn hóa dữ liệu thủy văn, vận hành hồ chứa, sản lượng và kịch bản tài chính; tham chiếu TCFD và SASB.
An toàn đập, vận hành hồ chứa và an toàn cộng đồng hạ du	Đây là vấn đề đặc thù của doanh nghiệp thủy điện, liên quan trực tiếp đến an toàn công trình, cộng đồng, uy tín và trách nhiệm pháp lý.	Rất cao	Chuẩn hóa KPI an toàn vận hành, cơ chế cảnh báo, phối hợp địa phương, diễn tập và báo cáo định kỳ trong hệ thống ESG.
Kiểm kê phát thải khí nhà kính, CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon	Công ty đã có CERs nhưng chưa có hệ thống kiểm kê phát thải cấp doanh nghiệp; đây là nền tảng cho công bố thông tin, thị trường giao dịch tín chỉ carbon và nguồn vốn xanh.	Cao	Xây dựng lộ trình kiểm kê GHG, ưu tiên Phạm vi 1 và 2; chuẩn hóa dữ liệu chứng chỉ; kết nối với báo cáo ESG và quản trị tài chính.
Cơ chế cộng đồng và phản ánh	Hoạt động cộng đồng còn thiên về sự vụ; chưa có cán bộ liên lạc cộng đồng và quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh chính thức.	Cao	Thiết lập cán bộ liên lạc cộng đồng, biểu mẫu phản ánh, quy trình xử lý và chương trình cộng đồng có mục tiêu, dữ liệu, đánh giá kết quả.
Minh bạch thông tin và bộ máy quản trị ESG	Chưa có đầu mối ESG, chưa có KPI, quy trình dữ liệu, báo cáo ESG nội bộ và kiểm soát dữ liệu trước công bố.	Rất cao	Thiết lập đầu mối ESG cấp công ty, cán bộ bán chuyên trách tại nhà máy, quy trình dữ liệu, KPI ESG, báo cáo ESG và kiểm soát nội bộ.
Tích hợp ESG vào đầu tư và nguồn vốn xanh	Định hướng điện gió Tân Lập 50MW đòi hỏi hồ sơ môi trường – xã hội, dữ liệu ESG và năng lực công bố	Cao	Đưa ESG vào chuẩn bị đầu tư, quản lý nhà thầu, đánh giá rủi ro môi trường – xã hội, dữ liệu phát thải và làm việc với

	thông tin tốt hơn.		tổ chức tín dụng.
--	--------------------	--	-------------------

Bảng 2.4. Các vấn đề ESG ưu tiên của PC3-INVEST

PC3-INVEST cần ưu tiên trước hết vào minh bạch thông tin và bộ máy quản trị ESG, gồm đầu mối ESG, KPI, quy trình dữ liệu và kiểm soát nội bộ. Đây là nền tảng để triển khai các nội dung khác như phát thải, cộng đồng, báo cáo ESG và nguồn vốn xanh.

Nhóm ưu tiên đặc thù ngành là quản trị rủi ro khí hậu, tài nguyên nước, an toàn đập và an toàn cộng đồng hạ du, vì các nội dung này ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng, dòng tiền, chi phí, uy tín và vận hành thủy điện.

Về dài hạn, công ty cần tập trung kiểm kê phát thải khí nhà kính, quản lý CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon, chuẩn bị dự án điện gió Tân Lập 50MW và tiếp cận nguồn vốn xanh. Nhìn chung, PC3-INVEST đã có nền tảng tuân thủ tương đối tốt nhưng chưa đạt mức quản lý ESG đầy đủ, nên cần lộ trình 2026–2030 theo bốn giai đoạn: Nền tảng, Chuẩn hóa, Tích hợp và Nâng cao.

CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI ESG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

3.1. Xây dựng lộ trình triển khai ESG

3.1.1. Quan điểm và định hướng

Lộ trình triển khai ESG tại PC3-INVEST được xác định là một chương trình chuyển đổi quản trị dài hạn, liên kết trực tiếp với chiến lược phát triển của công ty. Lộ trình này không chỉ đơn giản là báo cáo hay bổ sung một số hoạt động môi trường, xã hội và quản trị vào báo cáo thường niên, mà là công cụ quản trị chiến lược giúp công ty từ tuân thủ pháp lý đến quản trị phát triển bền vững có hệ thống.

Lộ trình này bắt đầu từ xây dựng nền tảng dữ liệu và bộ máy quản lý ESG rõ ràng. Công ty sẽ chuẩn hóa các quy trình, chỉ tiêu, KPI và phát triển các công cụ giám sát nội bộ. ESG sẽ được tích hợp vào các quyết định đầu tư, đặc biệt là trong các dự án năng lượng tái tạo, như điện gió Tân Lập 50MW. Các khung tiêu chuẩn quốc tế như GRI, TCFD, SASB, IFC, ADB và ISO sẽ giúp xây dựng hệ thống ESG toàn diện từ chỉ tiêu, báo cáo đến minh bạch thông tin.

Để lộ trình thành công, PC3-INVEST cần một bộ máy quản trị ESG rõ ràng, đầu mối điều phối, các phòng ban chịu trách nhiệm cụ thể, cùng cơ chế giám sát và báo cáo định kỳ. Điều này sẽ giúp công ty kiểm soát rủi ro, duy trì minh bạch và cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh, từ đó tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Lộ trình triển khai ESG sẽ trải qua bốn giai đoạn: Nền tảng, Chuẩn hóa, Tích hợp và Nâng cao. Giai đoạn Nền tảng tập trung vào thiết lập bộ máy, dữ liệu nền và xây dựng KPI ESG. Giai đoạn Chuẩn hóa sẽ chuẩn hóa quy trình, hệ thống báo cáo và quản lý dữ liệu. Giai đoạn Tích hợp sẽ tích hợp ESG vào quản trị rủi ro, đầu tư, tài chính và đánh giá hiệu quả. Giai đoạn Nâng cao sẽ tập trung vào chất lượng công bố thông tin, kiểm chứng dữ liệu và phát triển nguồn vốn xanh.

3.1.2. Mục tiêu dài hạn ESG

Mục tiêu dài hạn ESG của PC3-INVEST được xác định là xây dựng một hệ thống quản trị phát triển bền vững vào năm 2030, giúp công ty vận hành an toàn, thích ứng với khí hậu, minh bạch thông tin và quản trị tốt các tác động xã hội. Mục tiêu này bao gồm ba trụ cột chính: Môi trường, Xã hội và Quản trị.

Về Môi trường, mục tiêu dài hạn là quản trị rủi ro khí hậu, tài nguyên nước, phát thải và tuân thủ môi trường. Đến năm 2030, công ty cần có hệ thống dữ liệu môi trường đầy đủ, kiểm kê phát thải khí nhà kính, quản lý chất thải, tài nguyên nước và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về Xã hội, mục tiêu là xây dựng hệ thống quản trị lao động, an toàn lao động, cộng đồng và các bên liên quan, đảm bảo công bằng, không phân biệt đối xử, và cải thiện sinh kế cộng đồng. Công ty cần tạo ra môi trường làm việc an toàn, phát triển nhân sự, cải thiện điều kiện sống cho cộng đồng và quản lý tác động xã hội qua các chương trình có chỉ tiêu, phương pháp đánh giá.

Về Quản trị, mục tiêu là thiết lập một hệ thống ESG rõ ràng, có sự tham gia của lãnh đạo, có KPI đo lường, cơ chế báo cáo và giám sát nội bộ. ESG cần được tích hợp vào chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, đầu tư và công bố thông tin, từ đó giúp công ty xây dựng năng lực bền vững, tạo giá trị tài chính lâu dài và tăng cường tiếp cận nguồn vốn xanh.

Tóm lại, mục tiêu dài hạn của PC3-INVEST là phát triển hệ thống ESG đầy đủ, giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro và gia tăng giá trị doanh nghiệp, đồng thời chuẩn bị cho các yêu cầu tài chính xanh và dự án năng lượng tái tạo.

3.1.3. Các giai đoạn phát triển ESG

Lộ trình triển khai ESG tại PC3-INVEST được phân chia thành bốn giai đoạn: Nền tảng, Chuẩn hóa, Tích hợp và Nâng cao. Các giai đoạn này đảm bảo quá trình triển khai ESG phù hợp với năng lực thực tế của công ty, giúp từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống ESG.

Giai đoạn Nền tảng (2026):

Tập trung vào việc xây dựng nhận thức, bộ máy quản trị ESG, rà soát dữ liệu môi trường, xã hội và quản trị hiện có. Mục tiêu là xác định các chủ đề trọng yếu và chuẩn bị dữ liệu về phát thải khí nhà kính, tài nguyên nước, an toàn lao động, cộng đồng, và các chứng chỉ như CERs và Tín chỉ Carbon.

Giai đoạn Chuẩn hóa (2027):

Xây dựng quy trình quản lý dữ liệu ESG, bao gồm việc chuẩn hóa các chỉ tiêu, KPI, biểu mẫu và cơ chế báo cáo nội bộ. Đây là giai đoạn chuẩn hóa dữ liệu và quy trình, để có một hệ thống ESG rõ ràng, dễ kiểm soát.

Giai đoạn Tích hợp (2028-2029):

Tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh, quản trị rủi ro, và kế hoạch đầu tư. Công ty sẽ bắt đầu đưa ESG vào các quyết định tài chính và quản trị. Các vấn đề ESG quan trọng như rủi ro khí hậu và tài nguyên nước sẽ được tích hợp vào hệ thống quản trị rủi ro và kế hoạch tài chính.

Giai đoạn Nâng cao (2030):

Tập trung vào nâng cao chất lượng báo cáo và công bố thông tin ESG. Mục tiêu là cải thiện tính minh bạch và chính xác của báo cáo, đồng thời khai thác giá trị từ các

chứng chỉ như CERs, REC và Tín chỉ Carbon. Cơ chế kiểm soát nội bộ sẽ được củng cố, giúp tăng cường tính tin cậy của dữ liệu ESG.

Các giai đoạn này giúp PC3-INVEST có một lộ trình khả thi và hiệu quả, từ việc xây dựng nền tảng đến việc tối ưu hóa toàn bộ hệ thống quản trị ESG, đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa các bộ phận, quy trình và dữ liệu..

3.1.4. Lộ trình ESG giai đoạn 2026–2030

Thời gian	Mục tiêu trọng tâm	Kết quả kỳ vọng
2026	Thiết lập nền tảng ESG ban đầu, bao gồm nhận thức nội bộ, đầu mối phụ trách ESG, cán bộ bán chuyên trách về ESG tại nhà máy, cán bộ liên lạc cộng đồng, rà soát dữ liệu ESG hiện có, hồ sơ CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon và dữ liệu phục vụ kiểm kê phát thải khí nhà kính.	PC3-INVEST có nền móng ban đầu để triển khai ESG; có đầu mối ESG cấp công ty; có nhân sự phụ trách tại nhà máy và địa bàn cộng đồng; có bản đồ dữ liệu ESG sơ bộ; xác định được khoảng trống dữ liệu về môi trường, xã hội, quản trị, CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon và kiểm kê phát thải khí nhà kính.
2027	Chuẩn hóa hệ thống ESG thông qua việc xây dựng quy trình quản lý dữ liệu, biểu mẫu thu thập thông tin, bộ KPI ESG theo ba trụ cột E, S, G, cơ chế báo cáo nội bộ, đồng thời chuẩn hóa vai trò của cán bộ bán chuyên trách về ESG và cán bộ liên lạc cộng đồng.	PC3-INVEST có bộ KPI ESG chính thức; có quy trình và biểu mẫu quản lý dữ liệu ESG; dữ liệu được thu thập, kiểm tra và tổng hợp theo cơ chế rõ ràng; vai trò, trách nhiệm và chế độ báo cáo của các nhân sự phụ trách ESG được xác lập; dữ liệu phục vụ CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon và kiểm kê phát thải khí nhà kính được chuẩn hóa bước đầu.
2028	Bắt đầu tích hợp ESG vào quản trị rủi ro, vận hành nhà máy, quản lý cộng đồng và công bố thông tin; ưu tiên rủi ro khí hậu, tài nguyên nước, vận hành thủy điện, phát thải khí nhà kính, phản ánh cộng đồng và dữ liệu liên quan đến CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon.	ESG được đưa vào hoạt động vận hành thường xuyên; dữ liệu khí hậu, thủy văn, môi trường, phát thải và cộng đồng được sử dụng trong đánh giá rủi ro, kế hoạch vận hành và báo cáo quản trị; CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon không còn là hồ sơ riêng lẻ mà từng bước được kết nối với hệ thống dữ liệu ESG.
2029	Mở rộng tích hợp ESG vào kế hoạch đầu tư, quản trị tài chính, chuẩn bị nguồn vốn xanh và công bố thông tin, gắn với định hướng phát triển năng lượng tái tạo và công trình điện gió Tân Lập 50MW; đồng thời đánh giá giữa kỳ kết quả triển khai ESG giai đoạn 2026–2029.	Hồ sơ chuẩn bị đầu tư được bổ sung góc nhìn ESG; năng lực làm việc với cổ đông, nhà đầu tư và tổ chức tín dụng được cải thiện; dữ liệu ESG hỗ trợ tốt hơn cho quản trị rủi ro, tài chính và công bố thông tin; có báo cáo đánh giá giữa kỳ để xác định kết quả đạt được, hạn chế còn tồn tại và nội dung cần ưu

		tiên trong năm 2030.
2030	Nâng cao chất lượng hệ thống ESG thông qua việc cải thiện báo cáo và công bố thông tin, củng cố kiểm soát nội bộ dữ liệu ESG, khai thác giá trị từ CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon, chuẩn bị nền tảng tiếp cận nguồn vốn xanh và thể chế hóa ESG vào văn hóa quản trị.	PC3-INVEST có báo cáo ESG minh bạch hơn, có dữ liệu và khả năng giải trình tốt hơn; dữ liệu ESG có thể kiểm tra nội bộ; năng lực quản lý CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon được cải thiện; ESG trở thành một phần trong quản trị, vận hành, đào tạo, quan hệ cộng đồng và công bố thông tin của công ty.

Bảng 3.1. Lộ trình ESG giai đoạn 2026–2030

3.2. Xây dựng kế hoạch triển khai ESG

3.2.1. Kế hoạch theo yếu tố Môi trường (E)

Mục tiêu là xây dựng hệ thống quản lý môi trường toàn diện cho PC3-INVEST với chỉ tiêu đo lường, quy trình kiểm soát và cơ chế báo cáo rõ ràng, đảm bảo dữ liệu môi trường tin cậy, phục vụ công bố ESG và quản lý rủi ro về tài nguyên nước, phát thải khí nhà kính, chất thải, nước thải, CERs, REC và Tín chỉ Carbon.

Rà soát và chuẩn hóa dữ liệu môi trường hiện có, thiết lập quy trình quản lý dữ liệu ESG với chỉ tiêu rõ ràng, biểu mẫu thống nhất và phân công trách nhiệm cho các bộ phận.

Thiết lập hệ thống kiểm kê phát thải khí nhà kính toàn diện, bao gồm phạm vi 1, 2 và 3, rà soát dữ liệu sản lượng điện, phát thải và phương pháp tính toán phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

Tích hợp dữ liệu thủy văn và vận hành hồ chứa vào quản trị rủi ro khí hậu, xây dựng phương pháp đánh giá và kịch bản khí hậu nhằm ổn định sản lượng điện và dòng tiền.

Chuẩn hóa quản lý chất thải, nước thải và tuân thủ môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo xử lý chất thải nguy hại, nước thải và sự cố môi trường đúng quy định.

Chuẩn hóa và quản lý CERs, REC và Tín chỉ Carbon, kết nối với chiến lược tài chính và phát triển bền vững, chuẩn bị cho thị trường tín chỉ carbon và nguồn vốn xanh.

3.2.2. Kế hoạch theo yếu tố Xã hội (S)

Mục tiêu là đến năm 2030, PC3-INVEST xây dựng hệ thống quản trị xã hội có cấu trúc với dữ liệu và chỉ tiêu đo lường rõ ràng, đảm bảo môi trường làm việc an

toàn, công bằng, ổn định; chuẩn hóa hoạt động cộng đồng theo mục tiêu và đánh giá kết quả; thiết lập cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh từ cộng đồng.

Chuẩn hóa hệ thống an toàn lao động theo ISO 45001, xây dựng dữ liệu về tai nạn, ngày công mất mát, giờ đào tạo và tỷ lệ hoàn thành huấn luyện an toàn.

Mở rộng đào tạo từ kỹ thuật vận hành sang ESG, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và quản trị cộng đồng, thiết kế theo từng nhóm đối tượng như lãnh đạo, nhân viên kỹ thuật, cán bộ quản lý, cán bộ ESG và cán bộ liên lạc cộng đồng.

Thu thập và phân tích dữ liệu cơ cấu lao động theo giới tính, độ tuổi và công việc để đánh giá chính sách nhân sự và cơ hội phát triển nghề nghiệp.

Chuyên các hoạt động cộng đồng từ thiện nguyện sang chương trình có mục tiêu, ngân sách, hồ sơ và báo cáo kết quả, xây dựng danh mục chương trình hàng năm với tiêu chí lựa chọn và dữ liệu người hưởng lợi.

Thiết lập cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh cộng đồng thông qua cán bộ liên lạc, với biểu mẫu và quy trình rõ ràng để theo dõi và điều chỉnh các hoạt động.

3.2.3. Kế hoạch theo yếu tố Quản trị (G)

Mục tiêu tổng thể là đến năm 2030, PC3-INVEST xây dựng hệ thống quản trị ESG có cấu trúc rõ ràng, trách nhiệm giải trình, quy trình dữ liệu, cơ chế kiểm soát nội bộ và tích hợp ESG vào quản trị rủi ro, công bố thông tin, kế hoạch đầu tư và huy động nguồn vốn xanh.

Xác định đầu mối ESG cấp công ty và phân công trách nhiệm rõ ràng cho các bộ phận, Hội đồng quản trị giám sát chiến lược dài hạn, Ban điều hành thực hiện và phân bổ nguồn lực, Ban kiểm soát đảm bảo tuân thủ và minh bạch thông tin.

Đến năm 2027, rà soát và cập nhật các quy trình quản lý dữ liệu ESG, báo cáo nội bộ, kiểm soát dữ liệu trước công bố và quản trị rủi ro ESG, gắn kết với lộ trình 2026–2030.

Thiết lập KPI để đo lường tiến độ và hiệu quả triển khai ESG, bao gồm cấu trúc quản trị, số cuộc họp ESG, quy trình dữ liệu, báo cáo nội bộ, kiểm soát dữ liệu, công bố thông tin đúng hạn, danh mục rủi ro trọng yếu, quản lý nhà thầu và các chứng chỉ như CERs, REC, Tín chỉ Carbon.

Tích hợp các rủi ro ESG trọng yếu vào danh mục quản trị rủi ro chung, bao gồm khí hậu, tài nguyên nước, phát thải, an toàn lao động, rủi ro cộng đồng và tài chính liên quan nguồn vốn xanh, áp dụng các khung TCFD, SASB, IFC.

Thiết lập cơ chế kiểm soát nội bộ dữ liệu ESG, đảm bảo nguồn gốc, phương pháp thống nhất, hồ sơ lưu trữ đầy đủ và trách nhiệm phê duyệt rõ ràng trước khi công bố.

Đưa tiêu chí ESG vào hồ sơ chuẩn bị đầu tư, đặc biệt dự án năng lượng tái tạo như điện gió, đánh giá rủi ro môi trường – xã hội, công bố thông tin và quản lý dữ liệu phát thải, REC, Tín chỉ Carbon.

Tổ chức đào tạo định kỳ cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cán bộ ESG và cán bộ liên lạc cộng đồng về ESG, an toàn lao động, công bố thông tin, kiểm soát nội bộ và quản lý dữ liệu để ESG trở thành một phần trong văn hóa quản trị

3.3. Kế hoạch thực hiện theo lộ trình

Thời gian	Trọng tâm thực hiện	Phân công trách nhiệm	Mốc thời gian
2026	Thiết lập nền tảng ESG; xác định đầu mối ESG cấp công ty; phân công cán bộ bán chuyên trách về ESG tại nhà máy; xác định cán bộ liên lạc cộng đồng; rà soát dữ liệu ESG hiện có; tổng hợp hồ sơ CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon và dữ liệu kiểm kê phát thải khí nhà kính.	Hội đồng quản trị định hướng; Ban điều hành chỉ đạo triển khai; đầu mối ESG cấp công ty điều phối; các nhà máy thủy điện cung cấp dữ liệu vận hành, môi trường, an toàn; bộ phận tài chính, nhân sự, pháp chế, quan hệ cổ đông phối hợp cung cấp dữ liệu liên quan.	Quý I thành lập đầu mối và phân công trách nhiệm; Quý II–III rà soát dữ liệu; Quý IV hoàn thành bản đồ dữ liệu ESG và báo cáo khoảng trống ban đầu.
2027	Chuẩn hóa hệ thống ESG; xây dựng quy trình quản lý dữ liệu ESG; ban hành biểu mẫu thu thập dữ liệu; xây dựng bộ KPI ESG theo E, S, G; chuẩn hóa cơ chế báo cáo nội bộ và vai trò của cán bộ bán chuyên trách về ESG, cán bộ liên lạc cộng đồng.	Ban điều hành phê duyệt quy trình; đầu mối ESG chủ trì xây dựng biểu mẫu và KPI; các bộ phận chuyên môn góp ý và triển khai; nhà máy và cán bộ liên lạc cộng đồng thực hiện báo cáo định kỳ.	Quý I xây dựng dự thảo quy trình; Quý II ban hành biểu mẫu và KPI; Quý III áp dụng thử nghiệm; Quý IV đánh giá và điều chỉnh.
2028	Tích hợp ESG vào vận hành nhà máy, quản trị rủi ro khí hậu, tài nguyên nước, phát thải khí nhà kính, quản lý cộng đồng và công bố thông tin ESG nội bộ.	Ban điều hành chỉ đạo tích hợp ESG vào kế hoạch vận hành; đầu mối ESG tổng hợp dữ liệu; nhà máy cung cấp dữ liệu thủy văn, vận hành, môi trường; cán bộ liên lạc cộng đồng ghi nhận phản ánh cộng đồng; bộ phận tài chính phối hợp đánh giá ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính.	Quý I cập nhật kế hoạch vận hành có yếu tố ESG; Quý II–III theo dõi dữ liệu và rủi ro; Quý IV lập báo cáo ESG nội bộ và đánh giá kết quả tích hợp ban đầu.
2029	Mở rộng tích hợp ESG vào kế hoạch đầu tư, quản trị tài chính, nguồn vốn xanh và định hướng công trình điện	Hội đồng quản trị và Ban điều hành xem xét định hướng ESG trong đầu tư; bộ phận tài chính chuẩn bị dữ	Quý I–II rà soát yêu cầu ESG cho đầu tư và tài chính; Quý III thực hiện

	gió Tân Lập 50MW; đánh giá giữa kỳ kết quả triển khai ESG giai đoạn 2026–2029.	liệu phục vụ nguồn vốn xanh; đầu môi ESG phối hợp với bộ phận kỹ thuật, pháp chế, đầu tư để tích hợp tiêu chí ESG vào hồ sơ dự án.	đánh giá giữa kỳ; Quý IV điều chỉnh kế hoạch cho năm 2030.
2030	Nâng cao chất lượng báo cáo ESG; củng cố kiểm soát nội bộ dữ liệu ESG; quản lý CERs, Chứng chỉ NLTT (REC), Tín chỉ Carbon; chuẩn bị nền tảng tiếp cận nguồn vốn xanh; thể chế hóa ESG vào văn hóa quản trị.	Hội đồng quản trị giám sát kết quả cuối kỳ; Ban điều hành chỉ đạo hoàn thiện hệ thống; đầu môi ESG lập báo cáo tổng hợp; các bộ phận cung cấp và kiểm tra dữ liệu; bộ phận kiểm soát nội bộ hoặc bộ phận được phân công rà soát dữ liệu trước công bố.	Quý I rà soát toàn bộ dữ liệu ESG; Quý II–III hoàn thiện báo cáo và kiểm soát nội bộ; Quý IV tổng kết lộ trình 2026–2030 và đề xuất định hướng sau năm 2030.

Bảng 3.5. Kế hoạch thực hiện (Action plan)

Như vậy, kế hoạch thực hiện theo lộ trình giúp cụ thể hóa quá trình triển khai ESG thành các nhiệm vụ có thời hạn, có đơn vị chịu trách nhiệm và có kết quả cần đạt. Điểm quan trọng của kế hoạch này là bảo đảm sự phối hợp giữa cấp quản trị, cấp điều hành, đầu môi ESG, nhà máy, cán bộ bán chuyên trách về ESG và cán bộ liên lạc cộng đồng. Thông qua đó, ESG không chỉ là nội dung báo cáo mà trở thành một phần trong hoạt động quản trị, vận hành, đầu tư, tài chính và công bố thông tin của PC3-INVEST.

3.4. Tổ chức thực hiện

Để triển khai ESG hiệu quả trong giai đoạn 2026–2030, PC3-INVEST cần thiết lập cơ chế tổ chức rõ ràng, phù hợp với đặc thù doanh nghiệp và chiến lược phát triển năng lượng tái tạo. Cơ chế này phải bao gồm sự phối hợp giữa các phòng ban, sự chỉ đạo của lãnh đạo và đầu môi điều phối ESG cấp công ty. Điều này giúp ESG được triển khai từ chiến lược đến thực tế vận hành.

Hội đồng quản trị định hướng và giám sát, Ban điều hành tổ chức triển khai, và đầu môi ESG cấp công ty theo dõi tiến độ và phối hợp công bố thông tin. Các bộ phận như tài chính, nhân sự, pháp chế, kỹ thuật và các nhà máy sẽ phối hợp thu thập và quản lý dữ liệu ESG.

Về nhân sự, công ty cần phân công cán bộ bán chuyên trách ESG tại các nhà máy và cán bộ liên lạc cộng đồng để theo dõi và xử lý phản ánh từ cộng đồng. Nguồn lực tài chính cần được phân bổ hợp lý qua các giai đoạn: năm 2026 tập trung rà soát hiện trạng, năm 2027 chuẩn hóa quy trình và KPI, năm 2028-2029 tích hợp ESG vào quản trị rủi ro và đầu tư, và năm 2030 nâng cao chất lượng báo cáo và kiểm soát nội bộ.

Kết luận, để kế hoạch ESG thành công, cần có bộ máy điều phối rõ ràng, nhân sự phụ trách ở các cấp và nguồn lực tài chính phù hợp, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong triển khai.

3.5. Giám sát và đánh giá

Để đảm bảo việc triển khai ESG hiệu quả, PC3-INVEST cần xây dựng một cơ chế giám sát và đánh giá toàn diện. Hệ thống này sẽ theo dõi KPI, công bố báo cáo ESG và kiểm soát dữ liệu nội bộ để bảo đảm tính minh bạch, chính xác của thông tin:

- Cần xây dựng KPI ESG cho ba trụ cột Môi trường, Xã hội và Quản trị, với các chỉ tiêu rõ ràng về phát thải khí nhà kính, an toàn lao động, cộng đồng, tuân thủ môi trường và quản trị rủi ro. Dữ liệu từ các nhà máy và bộ phận liên quan sẽ được thu thập và cập nhật định kỳ.

- Cần xây dựng báo cáo ESG nội bộ để theo dõi tiến độ và điều chỉnh chiến lược. Báo cáo công khai cần được thực hiện theo chuẩn quốc tế (GRI, SASB, TCFD) để cung cấp thông tin minh bạch cho các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan.

- Cần thiết lập cơ chế kiểm tra dữ liệu ESG, đảm bảo thông tin chính xác và đầy đủ trước khi công bố. Các bộ phận liên quan phải chịu trách nhiệm về dữ liệu trong phạm vi của mình, và Ban kiểm soát thực hiện rà soát độc lập các dữ liệu trọng yếu.

Kết quả của cơ chế giám sát và đánh giá này sẽ giúp PC3-INVEST có được hệ thống quản trị ESG ổn định, dữ liệu tin cậy và khả năng báo cáo ESG minh bạch, từ đó nâng cao năng lực quản trị và chuẩn bị cho các bước phát triển bền vững tiếp theo.

3.6. Điều kiện thực hiện và kiến nghị

3.6.1. Điều kiện triển khai

ESG cần được tích hợp vào chiến lược quản trị, gắn với vận hành thủy điện, rủi ro khí hậu, tài nguyên nước và năng lượng tái tạo. Lãnh đạo thể hiện cam kết qua phê duyệt kế hoạch, phân công trách nhiệm và giám sát tiến độ.

Thiết lập đầu mối ESG cấp công ty, cán bộ bán chuyên trách tại nhà máy và cán bộ liên lạc cộng đồng để điều phối, tiếp nhận phản ánh và duy trì quan hệ với chính quyền.

Đào tạo các bộ phận liên ngành về ESG, quản trị rủi ro, dữ liệu môi trường, an toàn lao động, phát thải khí nhà kính và báo cáo ESG.

Quản lý dữ liệu ESG có hệ thống, chuẩn hóa các chỉ số trọng yếu như tài nguyên nước, phát thải, an toàn lao động, phục vụ báo cáo và giám sát.

Phân bổ ngân sách theo giai đoạn: 2026 xây dựng dữ liệu nền, 2027 chuẩn hóa quy trình và KPI, 2028–2029 tích hợp ESG vào quản trị rủi ro, vận hành và đầu tư, 2030 nâng cao chất lượng dữ liệu, báo cáo và kiểm soát nội bộ.

3.6.2. Kiến nghị đối với doanh nghiệp

Ban hành kế hoạch ESG giai đoạn 2026–2030 thành chương trình hành động chính thức, xác định mục tiêu theo năm, nhiệm vụ theo trụ cột E–S–G, bộ phận phụ trách, nguồn lực, KPI và cơ chế báo cáo, để ESG có vị trí rõ ràng trong hệ thống quản trị nội bộ.

Tích hợp ESG ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án điện gió Tân Lập 50MW, bao gồm quản lý rủi ro môi trường – xã hội, quản lý nhà thầu, tham vấn cộng đồng, công bố thông tin và phát thải khí nhà kính, nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm định và chuẩn bị tiếp cận nguồn vốn xanh.

Ưu tiên xây dựng hệ thống dữ liệu và KPI ESG trong giai đoạn 2026–2027, chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu và chỉ tiêu; mở rộng tích hợp ESG vào quản trị rủi ro và tài chính trong giai đoạn 2028–2029; nâng cao chất lượng báo cáo và kiểm soát nội bộ vào năm 2030.

Quản lý Tín chỉ Carbon chủ động, rà soát hồ sơ và chuẩn hóa phương pháp tính, tập trung vào dữ liệu và chuẩn bị điều kiện cho thương mại hóa trong giai đoạn 2026–2030.

Đưa rủi ro khí hậu vào trung tâm quản trị rủi ro, bao gồm biến động thủy văn, El Nino, La Nina, thay đổi dòng chảy và thời tiết cực đoan; sử dụng dữ liệu thủy văn, sản lượng điện và tài chính, áp dụng TCFD để nhận diện, đánh giá và công bố rủi ro khí hậu trong quản trị, chiến lược và quản lý rủi ro.

3.6.3. Kiến nghị đối với cơ quan liên quan

Các cơ quan quản lý cần hoàn thiện hướng dẫn về công bố thông tin ESG, kiểm kê phát thải khí nhà kính, thị trường tín chỉ carbon và nguồn vốn xanh, phù hợp với đặc thù ngành năng lượng.

Hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến thị trường tín chỉ carbon, cơ chế đo lường – báo cáo – thẩm tra giảm phát thải và bộ tiêu chí phân loại xanh, giúp doanh nghiệp chuẩn bị dữ liệu, hồ sơ dự án và tiếp cận nguồn vốn xanh.

Tổng công ty Điện lực miền Trung cần hỗ trợ PC3-INVEST thông qua định hướng khung ESG chung, chia sẻ chuyên gia, tổ chức đào tạo, hỗ trợ xây dựng hệ thống dữ liệu và trao đổi kinh nghiệm, nhằm triển khai ESG đồng bộ trong ngành.

Chính quyền địa phương cần phối hợp với PC3-INVEST trong truyền thông cộng đồng, tiếp nhận phản ánh, quản lý môi trường, ứng phó thiên tai và triển khai an sinh

xã hội; cơ quan khí tượng thủy văn cần cung cấp dữ liệu quan trắc, cảnh báo thời tiết và thủy văn để hỗ trợ quản trị rủi ro khí hậu và an toàn hạ du.

KẾT LUẬN

Đề án “Xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai ESG tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3” được thực hiện trong bối cảnh phát triển bền vững, quản trị rủi ro khí hậu, minh bạch thông tin và tiếp cận vốn xanh ngày càng trở thành yêu cầu quan trọng đối với doanh nghiệp ngành năng lượng. Đối với PC3-INVEST, ESG gắn trực tiếp với đặc thù thủy điện, phụ thuộc vào tài nguyên nước, điều kiện khí tượng thủy văn, an toàn vận hành và trách nhiệm cộng đồng.

Đề án hệ thống hóa cơ sở lý luận về ESG, kế hoạch và lộ trình ESG, mức độ trưởng thành ESG và các khung tiêu chuẩn quốc tế. Trên cơ sở đó, đề án áp dụng cách tiếp cận kết hợp GRI, SASB, TCFD, IFC, ADB, ISO và SDGs để xây dựng chỉ tiêu, quản trị rủi ro, chuẩn hóa quy trình và công bố thông tin.

Phân tích thực trạng cho thấy doanh nghiệp có nền tảng về năng lượng tái tạo và dữ liệu môi trường – xã hội, nhưng còn tồn tại các khoảng trống như dữ liệu ESG chưa đồng bộ, chưa hoàn thiện kiểm kê phát thải, chưa chuẩn hóa KPI và chưa tích hợp đầy đủ rủi ro khí hậu.

Đề án xây dựng lộ trình ESG giai đoạn 2026–2030 theo bốn giai đoạn: Nền tảng, Chuẩn hóa, Tích hợp và Nâng cao, đồng thời đề xuất kế hoạch theo ba trụ cột E–S–G gắn với mục tiêu và KPI theo từng giai đoạn.

Về ý nghĩa thực tiễn, đề án hỗ trợ PC3-INVEST chuyển từ quản trị rủi ro bị động sang chủ động, nâng cao năng lực tiếp cận vốn xanh và cải thiện chất lượng quản trị nội bộ.

Một số hạn chế bao gồm chưa lượng hóa chi phí – lợi ích, KPI còn mang tính định hướng. Các nghiên cứu tiếp theo cần tập trung vào ngân sách ESG, phân tích chi phí – lợi ích, mở rộng kiểm kê phát thải và hoàn thiện dữ liệu ESG theo chuẩn quốc tế.

Tóm lại, đề án xây dựng khung kế hoạch và lộ trình ESG có tính hệ thống và khả thi, góp phần giúp PC3-INVEST nâng cao quản trị rủi ro, minh bạch thông tin và định hướng phát triển bền vững.